

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 39 PHẢI NỘP HỌC PHÍ
Học kỳ I năm học 2015-2016

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1	390101	Đoàn Lan	Hương	3901	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2	390102	Đỗ Thị Hương	Giang	3901	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
3	390103	Hoàng Thị	Chuyên	3901	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
4	390104	Giàng Thị	Minh	3901	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
5	390105	Bạc Thị	Minh	3901	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
6	390106	Hà Thị	Tuyền	3901	MHP	17	0	0	0	0	0	0
7	390107	Hoàng Hải	Hằng	3901	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
8	390108	Hoàng Thị	Bính	3901	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
9	390109	Phan Thị	Huyền	3901	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
10	390110	Hoàng Thị	Uyên	3901	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
11	390112	Nguyễn Tuấn	Thành	3901	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
12	390113	Lương Thị	Hường	3901	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
13	390114	Nguyễn Thị	Hoài	3901	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
14	390115	Chu Thị Ngọc	Mai	3901	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
15	390116	Trịnh Phương	Thảo	3901	BT	13	0	4	2,080,000	0	640,000	2,720,000
16	390117	Lương Hành	Dây	3901	MHP	13	0	0	0	0	0	0
17	390118	Bùi Thị Lệ	Thủy	3901	MHP	12	0	0	0	0	0	0
18	390119	Cầm Hoàng	Anh	3901	BT	11	5	0	1,760,000	800,000	0	2,560,000
19	390120	Phan Văn	Anh	3901	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
20	390121	Nguyễn Mai	Huyền	3901	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
21	390122	Nông Thị	Miên	3901	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
22	390123	Nguyễn Thị Lan	Anh	3901	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
23	390124	Đặng Thị Thu	Hà	3901	BT	9	5	0	1,440,000	800,000	0	2,240,000
24	390125	Nguyễn Thị	Vinh	3901	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
25	390126	Nguyễn Quỳnh	Mỹ	3901	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
26	390127	Phạm Hanh	Thông	3901	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
27	390129	Lê Thị Quỳnh	Như	3901	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
28	390130	Trịnh Thị ánh	Ngọc	3901	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
29	390131	Đổng Thị	Hồng	3901	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
30	390132	Lại Thị Thu	Trang	3901	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
31	390133	Lê Văn	Dầu	3901	BT	11	4	3	1,760,000	640,000	480,000	2,880,000
32	390134	Tạ Thị	Giang	3901	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
33	390135	Ngô Tuấn	Đạt	3901	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
34	390136	Lê Huyền	Anh	3901	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
35	390137	Nguyễn Văn	Long	3901	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
36	390138	Đinh Thị Ngọc	Châm	3901	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
37	390139	Hoàng Thị Nhật	Hạ	3901	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
38	390140	Phạm Phương	Thảo	3901	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
39	390141	Lô Hà	Vy	3901	MHP	16	0	0	0	0	0	0
40	390142	Phạm Thị Phương	Dung	3901	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
41	390143	Trần Thị Phương	Thảo	3901	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
42	390144	Vũ Thị Hồng	Hạnh	3901	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
43	390145	Vũ Văn	Tuấn	3901	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
44	390146	Lê Thanh	Hoài	3901	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
45	390147	Đào Thị Hải	Trang	3901	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
46	390148	Lương Thị	Nụ	3901	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
47	390149	Nguyễn Thị	Yến	3901	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
48	390150	Nguyễn Thị	Mơ	3901	MHP	16	0	0	0	0	0	0
49	390151	Mai Thị Hải	Vân	3901	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
50	390152	Lê Thị Thu	Ngân	3901	BT	14	1	0	2,240,000	160,000	0	2,400,000
51	390153	Nguyễn Thanh	Hiền	3901	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
52	390154	Mai Vũ Hoàng	Anh	3901	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
53	390155	Mai Vân	Hà	3901	MHP	9	9	0	0	1,440,000	0	1,440,000
54	390156	Đặng Diệu	Linh	3901	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
55	390157	Nguyễn Hoàng	Anh	3901	BT	9	0	0	1,440,000	0	0	1,440,000
56	390158	Lê Thị Vân	Anh	3901	BT	9	0	0	1,440,000	0	0	1,440,000
57	390159	Ngô Kiều	Trang	3901	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
58	390160	Phan Kiều	Phương	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
59	390161	Nguyễn Linh	Chi	3901	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
60	390162	Trần Phương	Anh	CLC39A	CLC39	18	4	0	14,040,000	3,120,000	0	17,160,000
61	390163	Hoàng Thùy	Tiên	3901	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
62	390164	Nguyễn Minh	Hoàng	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
63	390165	Mai Thị Ngân	Hà	3901	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
64	390166	Nguyễn Đức	Huy	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
65	390167	Nguyễn Diệu	Hà	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
66	390168	Quách Thị	Ngân	3901	BT	11	5	0	1,760,000	800,000	0	2,560,000
67	390169	Trịnh Thị	Phương	3901	YCXH	11	5	0	3,960,000	1,800,000	0	5,760,000
68	390170	Hoàng Thị	Cú	3901	CT	17	4	0	0	640,000	0	640,000
69	390171	Ngô Thị Mai	Thủy	3901	BT	9	0	0	1,440,000	0	0	1,440,000
70	390172	Khiếu Ngọc	Sáng	3901	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
71	390173	Ma Thị	Hương	3901	MHP	15	0	0	0	0	0	0
72	390201	Phạm Thị	Nhung	3902	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
73	390202	Phạm Khánh	Huyền	3902	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
74	390203	Phạm Thị	Thúy	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
75	390204	Triệu Thị	Xuân	3902	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
76	390205	Nguyễn Thị	Hiền	3902	MHP	16	0	0	0	0	0	0

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
77	390206	Nguyễn Đỗ Ngọc	Oanh	3902	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
78	390207	Vi Bạch	Chinh	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
79	390208	Nguyễn Thị Thu	Hương	3902	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
80	390209	Nguyễn Hồng	Son	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
81	390210	Phan Văn	Anh	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
82	390211	Nguyễn Hằng	Nga	3902	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
83	390212	Phạm Huy	Tuân	3902	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
84	390213	Nguyễn Thị	Thảo	3902	MHP	15	0	0	0	0	0	0
85	390214	Nguyễn Thị	Lan	3902	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
86	390215	Thái Thị Hà	Giang	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
87	390216	Cần Thị Thúy	Nga	3902	BT	9	0	0	1,440,000	0	0	1,440,000
88	390217	Nguyễn Thị	Huyền	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
89	390218	Nguyễn Văn	Hoà	3902	MHP	15	0	0	0	0	0	0
90	390219	Đỗ Thị Bích	Phương	3902	MHP	11	0	0	0	0	0	0
91	390220	Linh Thị	Chinh	3902	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
92	390221	Nguyễn Thị	Ly	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
93	390222	Nguyễn Thị Thu	Thủy	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
94	390223	Nguyễn Đức	Tài	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
95	390224	Mai Thị	Nam	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
96	390225	Bùi Thị	Phương	3902	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
97	390226	Nguyễn Thanh	Hằng	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
98	390227	Bùi Phạm Chí	Trung	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
99	390228	Trương Ngọc	Huyền	3902	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
100	390229	Nguyễn Thị	Thủy	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
101	390230	Bùi Đức	Long	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
102	390231	Phạm Bạch	Tuyết	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
103	390232	Phạm Bảo	Ngọc	3902	BT	15	9	0	2,400,000	1,440,000	0	3,840,000
104	390233	Hoàng Thị	Phúc	3902	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
105	390234	Lê Thị Lan	Anh	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
106	390235	Lương Thị ý	Như	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
107	390236	Tô Đỗ Huy	Hoàng	3902	MHP	14	5	0	0	800,000	0	800,000
108	390237	Long Thị Hà	Anh	3902	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
109	390238	Mai Huyền	Trang	3902	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
110	390239	Ma Seo	Kí	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
111	390240	Trần Ngọc	Huyền	3902	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
112	390241	Mai Quỳnh	Mai	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
113	390242	Nguyễn Hữu Tiến	Anh	3902	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
114	390243	Đặng Thị Hương	Nhi	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
115	390244	Nguyễn Thị Trà	My	3902	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
116	390245	Đặng Thị Thu	Trang	3902	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
117	390246	Nguyễn Thị Thu	Trang	CLC39A	CLC39	18	0	4	14,040,000	0	3,120,000	17,160,000
118	390247	Lê Mai	Hoa	3902	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
119	390248	Lê Thị Phương	Ngân	3902	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
120	390249	Ngọ Duy	Hùng	3902	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
121	390250	Trần Minh	Nguyệt	3902	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
122	390251	Đỗ Thị	Thu	3902	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
123	390252	Mai Thu	Quỳnh	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
124	390253	Nguyễn Hạnh	Trình	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
125	390254	Phạm Thị	Huyền	3902	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
126	390255	Bùi Thị Vân	Anh	3902	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
127	390256	Trần Thị	Chang	3902	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
128	390257	Vũ Thị	Thúy	3902	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
129	390258	Đỗ Thị	Đoàn	3902	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
130	390259	Phạm Thu	Thảo	3902	BT	16	0	4	2,560,000	0	640,000	3,200,000
131	390260	Nguyễn Thanh	Hằng	3902	BT	15	0	4	2,400,000	0	640,000	3,040,000
132	390261	Nguyễn Thanh	Tùng	3902	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
133	390262	Lê Quyết	Chiến	3902	BT	14	4	0	2,240,000	640,000	0	2,880,000
134	390263	Nguyễn Trọng	Khôi	3902	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
135	390264	Nguyễn Hồng	Minh	CLC39A	CLC39	18	4	0	14,040,000	3,120,000	0	17,160,000
136	390265	Vũ Hà	Phan	3902	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
137	390266	Bùi Thị	Tuyến	3902	BT	15	1	0	2,400,000	160,000	0	2,560,000
138	390267	Nguyễn Hà	Trình	3902	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
139	390268	Lâm Thị	Thủy	3902	CT	13	5	0	0	800,000	0	800,000
140	390269	Chu Thị	Xuân	3902	CT	16	0	4	0	0	640,000	640,000
141	390270	Lân Thị	Đề	3902	CT	16	4	0	0	640,000	0	640,000
142	390271	Trịnh Minh	Khánh	3902	BT	17	5	0	2,720,000	800,000	0	3,520,000
143	390273	Trương Văn	Thành	3902	BT	9	5	0	1,440,000	800,000	0	2,240,000
144	390274	Triệu Việt	Cường	3902	BT	9	0	0	1,440,000	0	0	1,440,000
145	390301	Cần Thị Phương	Dung	3903	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
146	390302	Phạm Thị Bích	Hợp	3903	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
147	390303	Lý Hương	Linh	3903	BT	15	0	5	2,400,000	0	800,000	3,200,000
148	390304	Nông Thị	Hương	3903	MHP	14	0	0	0	0	0	0
149	390305	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	3903	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
150	390306	Vì Yến	Chi	3903	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
151	390307	Đặng Thu	Uyên	3903	BT	13	5	0	2,080,000	800,000	0	2,880,000
152	390308	Hoàng Thị	Thu	3903	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
153	390309	Phùng Thị Bích	Huyền	3903	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
154	390310	Nguyễn Thuỳ	Linh	3903	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
155	390311	Cà Lâm	Oanh	3903	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
156	390312	Trần Tuấn	Anh	3903	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
157	390313	Lê Thị Mỹ	Linh	3903	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
158	390314	Trần Thị Ngọc	ánh	3903	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
159	390315	Nguyễn Phương	Linh	3903	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
160	390316	Quàng Thị	Hà	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
161	390317	Lô Phương	Thảo	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
162	390318	Bùi Việt	Mỹ	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
163	390319	Vũ Thị	Quế	3903	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
164	390320	Hoàng Thị	Hạnh	3903	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
165	390321	Trần Thị Quỳnh	Trang	3903	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
166	390323	Đinh Thị Vân	Quỳnh	3903	BT	15	0	5	2,400,000	0	800,000	3,200,000
167	390324	Đặng Thị Bích	Ngọc	3903	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
168	390325	Nguyễn Thị	Thường	3903	MHP	17	0	0	0	0	0	0
169	390326	Đỗ Nam	Quyền	3903	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
170	390327	Vũ Thị	Thủy	3903	BT	13	0	5	2,080,000	0	800,000	2,880,000
171	390328	Nguyễn Anh	Hiếu	3903	BT	17	0	5	2,720,000	0	800,000	3,520,000
172	390329	Nguyễn Thị Quỳnh	Châm	3903	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
173	390331	Phạm Thị	Hằng	3903	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
174	390332	Phạm Thị	Trang	3903	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
175	390333	Trương Mỹ	Hạnh	3903	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
176	390334	Phạm Hải	Anh	3903	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
177	390336	Hoàng Thị Hồng	Ngọc	3903	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
178	390337	Nguyễn Thị	Loan	3903	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
179	390338	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	3903	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
180	390339	Phạm Thị	Nam	3903	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
181	390341	Triệu Thị	Nhung	3903	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
182	390342	Vũ Nguyễn Thanh	Lương	3903	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
183	390343	Vũ Thị	Liễu	3903	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
184	390344	Hoàng Thuỳ	Dung	3903	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
185	390345	Phạm Anh	Hùng	3903	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
186	390346	Lê Thị	Cúc	3903	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
187	390347	Trần Thị Thu	Hằng	3903	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
188	390348	Vũ Trung	Dũng	3903	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
189	390349	Nguyễn Thị Hà	Phương	3903	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
190	390350	Trịnh Việt	Anh	3903	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
191	390351	Nguyễn Thảo	Nguyên	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
192	390352	Trịnh Quỳnh	Trang	3903	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
193	390353	Phạm Minh	Đức	3903	BT	14	5	4	2,240,000	800,000	640,000	3,680,000
194	390354	Nguyễn Thu	Quỳnh	3903	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
195	390355	Đặng Thị	Nụ	3903	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
196	390356	Hoàng Thị Phương	Lan	3903	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
197	390357	Vũ Thị Tuyết	Mai	3903	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
198	390358	Dương Thùy	Linh	3903	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
199	390359	Phạm Thảo	Linh	3903	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
200	390360	Phạm Minh Quỳnh	Anh	3903	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
201	390361	Nguyễn Thị Phương	Thảo	3903	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
202	390362	Phùng Thảo	Huyền	3903	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
203	390363	Nguyễn Ngọc	Son	3903	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
204	390364	Đỗ Hồng	Nhung	3903	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
205	390365	Lê Xuân	Anh	3903	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
206	390366	Nguyễn Quỳnh Anh	Thơ	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
207	390367	Lương Thị Kiều	Trang	3903	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
208	390368	Vũ Thùy	Dương	3903	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
209	390369	Phạm Ngọc	Nhật	3903	BT	11	0	5	1,760,000	0	800,000	2,560,000
210	390370	Bùi Anh	Tuấn	3903	CT	15	0	0	0	0	0	0
211	390371	Hà Tiến	Đàm	3903	CT	17	0	0	0	0	0	0
212	390372	Phạm Thị Minh	Huệ	3903	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
213	390373	Cao Thị Tô	Nương	3903	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
214	390374	Sisavat	Boubphraloua	3903	LAOTT	19	0	0	15,770,000	0	0	15,770,000
215	390381	Bế Thị Mỹ	Anh	3903	YCXH	14	12	0	5,040,000	4,320,000	0	9,360,000
216	390401	Nguyễn Thị Thu	Nhàn	3904	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
217	390402	Lê Thị Thu	Mai	3904	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
218	390403	Hoàng Thị Ban	Ny	3904	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
219	390404	Khương Văn	Trang	3904	BT	14	4	0	2,240,000	640,000	0	2,880,000
220	390405	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	3904	BT	16	5	0	2,560,000	800,000	0	3,360,000
221	390406	Trần Thị	Thìn	3904	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
222	390407	Nguyễn Thị	Ngọc	3904	BT	13	4	3	2,080,000	640,000	480,000	3,200,000
223	390408	Giáp Thị	Nguyễn	3904	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
224	390409	Phạm Thanh	Tuyển	3904	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
225	390410	Nguyễn Thị Minh	Thu	3904	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
226	390411	Ma Văn	Chính	3904	MHP	14	0	0	0	0	0	0
227	390412	Đặng Quốc	Anh	3904	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
228	390413	Bùi Thị Thu	Hà	3904	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
229	390414	Quách Thị	Thảo	3904	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
230	390415	Lương Văn	Tám	3904	MHP	14	0	0	0	0	0	0
231	390416	Nguyễn Thuỳ	Dương	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
232	390417	Hoàng Mỹ	Linh	3904	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
233	390418	Nguyễn Thị Minh	Phương	3904	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
234	390419	Dương Thị	Thảo	3904	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
235	390420	Lê Hà	Phương	3904	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
236	390422	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	3904	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
237	390423	Đỗ Thu	Trang	3904	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
238	390424	Trần Thị	Huệ	3904	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
239	390425	Trần Văn	Quảng	3904	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
240	390426	Lê Trọng	Hiền	3904	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
241	390427	Lưu Thị Minh	Trang	3904	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
242	390428	Lê Trần Tuấn	Anh	3904	BT	9	6	0	1,440,000	960,000	0	2,400,000
243	390429	Đàm Ngọc	Huyền	3904	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
244	390430	Phạm Thị Tổ	Linh	3904	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
245	390431	Nông Thị	Liên	3904	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
246	390432	Nguyễn Thị Vân	Anh	3904	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
247	390433	Nguyễn Duy	Khánh	3904	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
248	390434	Lê Văn	Cường	3904	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
249	390435	Nông Thị	Nụ	3904	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
250	390436	Cao Thị Hồng	Liên	3904	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
251	390437	Sâm Thị	Chanh	3904	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
252	390438	Đặng Thảo	Nguyên	3904	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
253	390439	Hoàng Thị	Hào	3904	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
254	390440	Hoàng Thị	Niệm	3904	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
255	390441	Bùi Thị	Dương	3904	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
256	390442	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	3904	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
257	390443	Ngô Thị Khánh	Ly	3904	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
258	390444	Lê Hồng	Hạnh	3904	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
259	390445	Nguyễn Thị	Hoa	3904	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
260	390446	Đào Thị	Thúy	3904	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
261	390447	Lương Thị	Sen	3904	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
262	390448	Nguyễn Thị Tổ	Anh	3904	BT	15	5	0	2,400,000	800,000	0	3,200,000
263	390449	Văn Thị	Tuyết	3904	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
264	390450	Nguyễn Công	Thành	3904	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
265	390451	Lý Quỳnh	Hoa	3904	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
266	390452	Lê Thị Thu	Hường	3904	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
267	390453	Đào Thị	Liên	CLC39A	CLC39	18	2	0	14,040,000	1,560,000	0	15,600,000
268	390454	Lê Thị	Hường	3904	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
269	390455	Phạm Thị Hồng	Nhung	3904	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
270	390456	Đỗ Thị Bích	Lê	3904	BT	15	4	0	2,400,000	640,000	0	3,040,000
271	390457	Phan Thuỳ	Linh	3904	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
272	390458	Bùi Thiên	Chi	3904	BT	16	5	0	2,560,000	800,000	0	3,360,000
273	390459	Vi Phương	Linh	3904	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
274	390460	Nguyễn Minh	Hà	3904	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
275	390461	Nguyễn Khánh	Phương	3904	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
276	390463	Nguyễn Tá	Son	3904	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
277	390464	Vũ Đức	Hiếu	CLC39B	CLC39	18	4	0	14,040,000	3,120,000	0	17,160,000
278	390465	Bùi Bích	Ngọc	3904	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
279	390466	Phạm Hương	Thảo	3904	MHP	15	0	0	0	0	0	0
280	390468	Triệu Văn	Duân	3904	CT	17	5	0	0	800,000	0	800,000
281	390469	Hà Thị	Dung	3904	CT	15	0	0	0	0	0	0
282	390470	Chúng Tờ	Nam	3904	CT	17	0	0	0	0	0	0
283	390471	Trương Ngọc	Anh	3904	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
284	390472	Nguyễn Thị	Hoa	3904	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
285	390473	Vilay	Alounsavath	3904	LAOTT	18	5	0	14,940,000	4,150,000	0	19,090,000
286	390501	Phạm Thị	Hà	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
287	390502	An Kiều	Loan	3905	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
288	390503	Phạm Minh	Quý	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
289	390504	Nguyễn Thu	Trà	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
290	390505	Đặng Thị	Tình	3905	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
291	390506	Hoàng Thị	Chuyên	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
292	390507	Nguyễn Thị Thu	Huyền	3905	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
293	390508	Lương Thị	Lan	3905	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
294	390509	Nguyễn Thu	Hiền	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
295	390510	Nông Minh	Chiến	3905	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
296	390511	Trần Thị Thuý	Hằng	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
297	390512	Trương Thị Khánh	Ly	3905	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
298	390513	Vũ Ngọc	Trang	3905	BT	14	4	0	2,240,000	640,000	0	2,880,000
299	390514	Trần Phương	Mai	3905	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
300	390515	Mai Kim	Anh	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
301	390516	Đinh Hồng	Hạnh	3905	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
302	390517	Hà Nguyệt	Mai	3905	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
303	390518	Bùi Mỹ	Linh	3905	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
304	390519	Trần Phương	Thảo	3905	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
305	390520	Hoàng Thị	Trang	3905	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
306	390521	Ngô Thị	Trang	3905	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
307	390522	Nguyễn Minh	Phương	3905	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
308	390523	Phạm Hoàng	Hải	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
309	390524	Nguyễn Thị	Oanh	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
310	390525	Tạ Thị	Huyền	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
311	390526	Mai Thị	Trang	3905	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
312	390527	Nguyễn Thị Nhật	Linh	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
313	390528	Nguyễn Thị	Huyền	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
314	390530	Nguyễn Thị Mai	Trang	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
315	390531	Bùi Anh	Thư	3905	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
316	390532	Hoàng Thị Thanh	Thảo	3905	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
317	390533	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	3905	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
318	390534	Nguyễn Thị Ngọc	Ngọc	3905	BT	13	5	0	2,080,000	800,000	0	2,880,000
319	390535	Phạm Thị Lương	Lương	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
320	390536	Bùi Thị Diễm	Diễm	3905	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
321	390537	Nguyễn Hồng Duyên	Duyên	3905	MHP	15	0	0	0	0	0	0
322	390538	Vũ Thị Hà	Hà	3905	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
323	390539	Nông Thị Xuân	Thu	3905	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
324	390540	Đặng Xuân Tiến	Tiến	3905	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
325	390541	Vũ Thị Hằng	Hằng	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
326	390542	Lưu Trần Trọng Vinh	Vinh	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
327	390543	Vũ Thị Huyền	Huyền	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
328	390544	Phạm Thị Hòa	Hòa	3905	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
329	390545	Đậu Thị Hoài Thương	Thương	3905	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
330	390546	Nguyễn Vũ Thu Phương	Phương	3905	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
331	390547	Nguyễn Thị Thủy	Thủy	3905	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
332	390548	Mai Hải Yến	Yến	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
333	390549	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nhung	3905	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
334	390550	Vũ Anh Tuấn	Tuấn	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
335	390551	Ngô Cảnh Duy	Duy	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
336	390552	Lỗ Thị Kiều Linh	Linh	3905	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
337	390553	Phùng Thị Khánh Linh	Linh	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
338	390554	Nguyễn Thị Kiều Trang	Trang	3905	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
339	390555	Nguyễn Thị Thu Hường	Hường	3905	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
340	390556	Phạm Thị Hà Giang	Giang	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
341	390557	Đoàn Xuân Duy	Duy	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
342	390558	Bùi Thị Khánh Hằng	Hằng	3905	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
343	390559	Phạm Thị Thanh Tâm	Tâm	3905	MHP	13	0	0	0	0	0	0
344	390560	Lưu Ngọc Liên	Liên	3905	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
345	390561	Trần Phương Thảo	Thảo	3905	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
346	390562	Lê Bảo Linh	Linh	3905	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
347	390563	Nguyễn Ngọc Diệp	Diệp	3905	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
348	390564	Đỗ Quang Huy	Huy	3905	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
349	390565	Nguyễn Diệu Linh	Linh	3905	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
350	390566	Trần Trung Kiên	Kiên	3905	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
351	390567	Nguyễn Tạ Bình Dương	Dương	3905	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
352	390568	Ngô Đức Minh	Minh	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
353	390569	Đinh Thị Hải Yến	Yến	3905	CT	13	0	0	0	0	0	0
354	390570	Lý Xuân Bằng	Bằng	3905	CT	13	0	0	0	0	0	0
355	390571	Thắm Thị Mến	Mến	3905	BT	9	0	0	1,440,000	0	0	1,440,000
356	390572	Nguyễn Thị Lâm Anh	Anh	3905	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
357	390573	Suntisay	PhakhounThon	3905	LAOHD	19	0	0	0	0	0	0
358	390580	Lý Thị	Quyên	3905	YCXH	14	12	0	5,040,000	4,320,000	0	9,360,000
359	390601	Trần Thị Thùy	Dương	3906	BT	11	0	5	1,760,000	0	800,000	2,560,000
360	390602	Nguyễn Hồng	Dương	3906	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
361	390603	Hoàng Thị Khánh	Hoàn	3906	BT	12	5	0	1,920,000	800,000	0	2,720,000
362	390604	Đỗ Thị	Tươi	3906	MHP	19	0	0	0	0	0	0
363	390605	Phạm Thị Thu	Hiền	3906	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
364	390606	Nguyễn Phạm Minh	Trang	3906	BT	9	0	0	1,440,000	0	0	1,440,000
365	390607	Đỗ Bùi Phương	Linh	3906	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
366	390608	Hà Thị	Uyên	3906	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
367	390609	Vi Thị Hoàng	Phúc	3906	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
368	390610	Nguyễn Đức	Hung	3906	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
369	390611	Nông Thị	Huyền	3906	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
370	390612	Nguyễn Thị	Hà	3906	MHP	15	0	0	0	0	0	0
371	390613	Vương Thị	Yến	3906	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
372	390614	Nguyễn Thị	Huế	3906	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
373	390615	Lê Thị	Quỳnh	3906	MHP	20	0	0	0	0	0	0
374	390616	Lý Thị	Huyền	3906	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
375	390617	Trần Thị Ngọc	Mai	3906	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
376	390618	Nguyễn Thị Thùy	Dung	3906	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
377	390619	Nguyễn Thị Hồng	Minh	3906	GHP	16	0	0	1,280,000	0	0	1,280,000
378	390620	Nguyễn Thị Ngọc	Giang	3906	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
379	390621	Bùi Thị	Lương	3906	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
380	390622	Nguyễn Lưu Quỳnh	Liên	3906	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
381	390623	Trương Thị Bích	Hồng	3906	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
382	390624	Nguyễn Thị Diệu	Như	3906	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
383	390625	Hoàng Thị	Oanh	3906	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
384	390626	Lưu Thị Việt	Trinh	3906	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
385	390627	Đỗ Thị	Trang	3906	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
386	390628	Vũ Hải	Anh	3906	BT	15	0	4	2,400,000	0	640,000	3,040,000
387	390629	Phạm Thị Hồng	Hạnh	3906	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
388	390630	Trần Thị	Ban	3906	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
389	390631	Đặng Thị	Tú	3906	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
390	390632	Nguyễn Thị	Diễn	3906	BT	13	0	5	2,080,000	0	800,000	2,880,000
391	390633	Lý Thị Kim	Thoan	3906	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
392	390634	Tổng Thê	Hoàn	3906	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
393	390635	Đinh Ngọc	ánh	3906	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
394	390636	Phạm Thị	Trang	3906	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
395	390637	Nông Thị	Thủy	3906	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
396	390638	Nguyễn Anh	Đức	3906	BT	9	0	0	1,440,000	0	0	1,440,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
397	390639	Hồ Nguyên	Hồng	3906	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
398	390640	Hà Thị	Hoài	3906	MHP	19	0	0	0	0	0	0
399	390641	Đặng Thị Phương	Anh	3906	BT	16	1	0	2,560,000	160,000	0	2,720,000
400	390642	Bùi Huy	Tùng	3906	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
401	390643	Khuất Hồng	Nhung	3906	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
402	390644	Tổng Thanh	Bình	3906	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
403	390645	Phạm Hoàng	Thanh	3906	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
404	390646	Nguyễn Mỹ	Linh	3906	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
405	390647	Phan Thị Thùy	Dung	3906	BT	14	1	0	2,240,000	160,000	0	2,400,000
406	390648	Nguyễn Tiến	Thành	3906	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
407	390649	Trần Thị	Dung	3906	BT	13	5	0	2,080,000	800,000	0	2,880,000
408	390650	Nguyễn Hà Hiền	Thảo	3906	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
409	390651	Nguyễn Thị	Thu	3906	BT	15	5	0	2,400,000	800,000	0	3,200,000
410	390652	Lê Đình	Duy	3906	BT	14	4	0	2,240,000	640,000	0	2,880,000
411	390653	Nguyễn Trần Thảo	Linh	3906	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
412	390654	Ngô Thị Nhật	ánh	3906	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
413	390655	Kiều Đức	Trung	3906	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
414	390656	Nguyễn Tuấn	Anh	3906	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
415	390657	Trần Thị Tuyết	Chinh	3906	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
416	390658	Trần Thị Minh	Thủy	3906	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
417	390659	Ngô Thị	Duyên	3906	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
418	390660	Trần Châu	Bách	3906	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
419	390661	Trần Trang	Anh	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
420	390662	Nguyễn ánh	Ngọc	3906	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
421	390663	Lưu Hoàng Hải	Bình	3906	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
422	390665	Lại Nhật	Quang	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
423	390667	Trần Hải	Ninh	3906	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
424	390668	Đỗ Thị Quỳnh	Hoa	3906	BT	15	5	0	2,400,000	800,000	0	3,200,000
425	390669	Vũ Thùy	Linh	3906	YCXH	16	0	0	5,760,000	0	0	5,760,000
426	390670	Lò Văn	Thương	3906	CT	18	0	0	0	0	0	0
427	390671	Giàng Thị Nhật	Lệ	3906	CT	11	5	0	0	800,000	0	800,000
428	390672	Chảo Sếnh	Kiểm	3906	CT	15	0	0	0	0	0	0
429	390673	Nguyễn Mạnh	Đoàn	3906	BT	16	5	0	2,560,000	800,000	0	3,360,000
430	390674	Salermxay	KeoBounPhan	3906	LAOHD	15	0	0	0	0	0	0
431	390701	Hà Thị	Giàng	3907	MHP	14	5	0	0	800,000	0	800,000
432	390702	Lường Văn	Thức	3907	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
433	390703	Nông Thị Huyền	Ngọc	3907	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
434	390704	Chu Thúy	Hường	3907	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
435	390705	Nguyễn Thị	Thanh	3907	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
436	390706	Đinh Thị Nhật	Hà	3907	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
437	390707	Dương Ngọc	ánh	3907	MHP	14	0	0	0	0	0	0
438	390708	Khung Thị	Huong	3907	MHP	14	0	0	0	0	0	0
439	390709	Hoàng Thị Mỹ	Hoa	3907	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
440	390710	Nguyễn Hà	Thu	3907	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
441	390711	Hoàng Thị Tổng	Linh	3907	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
442	390712	Mai Tất	Đức	3907	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
443	390713	Bùi Thị	Thúy	3907	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
444	390714	Nguyễn Thùy	Dương	3907	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
445	390715	Trương Phương	Thảo	3907	MHP	14	5	0	0	800,000	0	800,000
446	390716	Vũ Thị Hà	Chi	3907	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
447	390717	Nguyễn Thị Phương	Linh	3907	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
448	390718	Tổng Thị	Phương	3907	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
449	390719	Nguyễn Trí	Thiện	3907	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
450	390720	Bùi Thị	Nhung	3907	MHP	14	5	0	0	800,000	0	800,000
451	390721	Trần Thị Phương	Anh	3907	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
452	390722	Lý Quỳnh	Như	3907	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
453	390723	Lưu Thúy	Hường	3907	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
454	390724	Chu Thị Kim	Huệ	3907	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
455	390725	Phạm Thị	Dịu	3907	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
456	390726	Phạm Thị	Thu	3907	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
457	390727	Quách Thị Quỳnh	Mai	3907	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
458	390728	Hoàng Thị Bích	Diệp	3907	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
459	390729	Nguyễn Thu	Phương	3907	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
460	390730	Bùi Thị	Ly	3907	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
461	390731	Lê Thị	Nhung	3907	BT	11	4	0	1,760,000	640,000	0	2,400,000
462	390732	Ma Thị	Pàng	3907	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
463	390733	Phạm Thu	Hoài	3907	MHP	15	0	0	0	0	0	0
464	390734	Lê Thị	Ngân	3907	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
465	390735	Hà Thị Kim	Oanh	3907	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
466	390736	Đinh Thị	Hiền	3907	BT	13	0	4	2,080,000	0	640,000	2,720,000
467	390737	Nguyễn Thị	Đào	3907	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
468	390738	Nguyễn Thị Huyền	Trang	3907	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
469	390740	Nguyễn Thanh	Hằng	3907	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
470	390741	Đinh Đắc	Dương	3907	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
471	390742	Nguyễn Thị Thu	Hà	3907	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
472	390743	Đoàn Thị Phương	Hoa	3907	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
473	390744	Bùi Thị Nhã	Phương	3907	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
474	390745	Hoàng Thị Quỳnh	Anh	3907	BT	11	4	0	1,760,000	640,000	0	2,400,000
475	390746	Võ Thị Trà	My	3907	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
476	390747	Lê Thị	An	3907	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
477	390749	Vũ Minh	Ngọc	3907	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
478	390750	Trần Hoàng	Yến	3907	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
479	390751	Nguyễn Thúy	Nga	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
480	390752	Đào Thị	Tuyết	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
481	390753	Hà Thị Thu	Trang	3907	BT	15	0	5	2,400,000	0	800,000	3,200,000
482	390754	Lữ Thị Thảo	Ly	3907	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
483	390755	Trịnh Thị Huyền	Trang	3907	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
484	390756	Nguyễn Khánh	Hà	3907	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
485	390757	Lê Thị	Oanh	3907	BT	13	0	5	2,080,000	0	800,000	2,880,000
486	390758	Lưu Tiến	Hung	3907	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
487	390759	Điêu Quỳnh	Anh	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
488	390760	Hà Thị	Mến	3907	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
489	390761	Phan Ngân	Anh	CLC39A	CLC39	0	0	0	0	0	0	0
490	390763	Phạm Hoàng	Giang	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
491	390764	Bùi Mai	Hương	3907	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
492	390765	Đỗ Thanh	Mai	3907	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
493	390766	Nguyễn Hồng	Châm	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
494	390768	Nguyễn Hưng	Đạo	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
495	390769	Lữ Huyền	Trang	3907	CT	15	0	4	0	0	640,000	640,000
496	390770	Nguyễn Thị Bảo	Quyên	3907	YCXH	12	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
497	390771	Quảng Văn	Hoàng	3907	CT	14	0	0	0	0	0	0
498	390772	Giảng Thị	Mái	3907	CT	14	2	0	0	320,000	0	320,000
499	390773	Cầm Thu	Hằng	3907	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
500	390774	Nguyễn Kim	Thắng	3907	BT	11	5	0	1,760,000	800,000	0	2,560,000
501	390775	Santisouk	SengDara	3907	LAOHD	15	0	0	0	0	0	0
502	390780	Hoàng Thị Diệu	Chinh	3907	YCXH	15	3	0	5,400,000	1,080,000	0	6,480,000
503	390781	Lộc Hữu	Tĩnh	3907	YCXH	15	3	0	5,400,000	1,080,000	0	6,480,000
504	390782	Lương Trọng	Nhân	3907	YCXH	15	3	0	5,400,000	1,080,000	0	6,480,000
505	390801	Nguyễn Thùy	Linh	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
506	390802	Ngô Thị	Nga	3908	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
507	390803	Lê Thị Hồng	Ấn	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
508	390804	Hoàng Thị	Thu	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
509	390805	Hoàng Kim	Ngân	3908	MHP	17	0	0	0	0	0	0
510	390806	Lữ Thị	Lan	3908	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
511	390807	Hứa Minh	Hường	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
512	390808	Lưu Thị Phong	Nhã	3908	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
513	390809	Tạ Thị Minh	Phương	3908	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
514	390810	Bùi Thị Khánh	Ly	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
515	390811	Phạm Hải Hà	Anh	3908	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
516	390812	Hầu Thị	Hoa	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
517	390813	Trần Thị Bích	Ngọc	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
518	390814	Hoàng Thị Lan	Anh	3908	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
519	390815	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
520	390816	Nguyễn Thị	Thương	3908	MHP	15	0	0	0	0	0	0
521	390817	Ngô Thị	Phượng	3908	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
522	390820	Bùi Tuyết	Ngọc	3908	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
523	390821	Trần Hương	Liên	3908	BT	13	4	0	2,080,000	640,000	0	2,720,000
524	390822	Nguyễn Thị	Chi	3908	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
525	390823	Nguyễn Thị	Đào	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
526	390824	Lê Thị	Thi	3908	BT	15	1	0	2,400,000	160,000	0	2,560,000
527	390825	Mạc Thị	Nụ	3908	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
528	390826	Đào Thị Bích	Phượng	3908	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
529	390827	Nguyễn Thị ánh	Hồng	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
530	390828	Nguyễn Thị Mai	Dung	3908	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
531	390829	Chu Thị	Hương	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
532	390830	Nguyễn Thị Huyền	Trang	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
533	390831	Lê Thị	Hiền	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
534	390833	Nguyễn Thị	Hương	3908	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
535	390834	Nguyễn Thị	Giang	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
536	390835	Hoàng	Quyên	3908	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
537	390836	Bùi Thị Hương	Hải	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
538	390837	Triệu Thị	Triển	3908	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
539	390838	Nguyễn Trung	Hiếu	3908	MHP	16	0	0	0	0	0	0
540	390839	Cao Minh	Đức	3908	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
541	390840	Hà Thị Tuyết	Mai	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
542	390841	Dương Hồng	Phương	3908	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
543	390842	Vũ Thị	Thương	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
544	390843	Nguyễn Thị Thu	Dung	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
545	390844	Nguyễn Thị	Thủy	3908	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
546	390845	Hoàng Đức	Phong	3908	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
547	390846	Trần Lê Thu	Trang	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
548	390847	Phạm Linh	Chi	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
549	390848	Đặng Sơn	Hải	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
550	390849	Hồ Khắc	Minh	CLC39A	CLC39	18	4	0	14,040,000	3,120,000	0	17,160,000
551	390850	Sùng Thị	May	3908	MHP	14	0	0	0	0	0	0
552	390851	Nguyễn Thị Thùy	Linh	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
553	390852	Nguyễn Thị	Hường	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
554	390853	Đỗ Thảo	My	3908	BT	16	5	0	2,560,000	800,000	0	3,360,000
555	390854	Đỗ Phương	Dung	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
556	390855	Nguyễn Thị	Trang	3908	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
557	390856	Dư Thanh	Tú	3908	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
558	390857	Đỗ Cẩm	Tú	3908	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
559	390858	Nguyễn Thị Thùy	Trang	3908	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
560	390859	Vũ Thị Tú	Minh	3908	BT	9	0	0	1,440,000	0	0	1,440,000
561	390860	Trần Thu	Thùy	3908	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
562	390861	Đào Thị Minh	Trang	3908	BT	11	0	4	1,760,000	0	640,000	2,400,000
563	390862	Nguyễn Trần Hạnh	Uyên	3908	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
564	390863	Lê Thị Thảo	Ly	3908	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
565	390864	Phạm Hồng	Hạnh	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
566	390865	Nguyễn Hà	Phương	3908	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
567	390866	Nguyễn Phương	Mai	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
568	390867	Bùi Huy	Thành	3908	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
569	390868	Đỗ Thị Thanh	Mai	3908	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
570	390869	Đào Thị	Thảo	3908	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
571	390870	Lù Thúy	Bình	3908	CT	12	0	0	0	0	0	0
572	390871	Sin Văn	Tuấn	3908	CT	11	0	0	0	0	0	0
573	390872	Đặng Tuấn	Anh	3908	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
574	390873	Lý Thị	Mai	3908	CT	13	4	0	0	640,000	0	640,000
575	390874	Phạm Đình	Lập	3908	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
576	390880	Mai Diệu	Phương	3908	YCXH	13	12	0	4,680,000	4,320,000	0	9,000,000
577	390882	Nguyễn Thị Thùy	Trang	3908	YCXH	14	11	0	5,040,000	3,960,000	0	9,000,000
578	390901	Hoàng Thị Thanh	Mai	3909	MHP	14	0	5	0	0	800,000	800,000
579	390902	Đinh Thị	Lúa	3909	MHP	14	0	0	0	0	0	0
580	390903	Hoàng Thu	Thủy	3909	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
581	390904	Trần Tiến	Anh	3909	MHP	14	0	0	0	0	0	0
582	390905	Bàn Thị	Chung	3909	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
583	390906	Nông Thị	Hà	3909	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
584	390907	Đinh Thị Thu	Huyền	3909	MHP	14	0	0	0	0	0	0
585	390908	Hoàng Thị Kim	Nhung	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
586	390909	Nguyễn Ngọc Linh	Chi	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
587	390910	Hoàng Quang	Trung	3909	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
588	390911	Nguyễn Thị	Thảo	3909	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
589	390913	Đường Ngọc	Thái	3909	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
590	390914	Lê Thủy	Thương	3909	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
591	390915	Trần Hồng	Nhung	3909	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
592	390916	Nguyễn Thị	Oanh	3909	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
593	390917	Nguyễn Khánh	Ly	3909	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
594	390918	Ma Thị	Trang	3909	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
595	390919	Hoàng Cẩm	Tú	3909	BT	15	0	5	2,400,000	0	800,000	3,200,000
596	390920	Nguyễn Thị	Thảo	3909	MHP	17	0	0	0	0	0	0

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
597	390921	Hoàng Thị	Trinh	3909	BT	16	6	0	2,560,000	960,000	0	3,520,000
598	390922	Hoàng Thị	Khanh	3909	MHP	14	0	0	0	0	0	0
599	390923	Tạ Thị	Thảo	3909	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
600	390924	Trần Thị	Hậu	3909	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
601	390925	Cao Thị Phương	Hoa	3909	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
602	390926	Nguyễn Thị	Nhung	3909	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
603	390927	Đỗ Thị	Lương	3909	BT	12	0	4	1,920,000	0	640,000	2,560,000
604	390928	Đỗ Thị Thanh	Thanh	3909	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
605	390929	Hoàng Đức	Mạnh	3909	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
606	390930	Lê Thị	Trang	3909	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
607	390931	Trần Thị	Dung	3909	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
608	390932	Lê Thị	Hiền	3909	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
609	390933	Trần Quốc	Hung	3909	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
610	390935	Nguyễn Hương	Ly	3909	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
611	390936	Lương Thị Phương	Nga	3909	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
612	390937	Đỗ Thị	Thủy	3909	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
613	390938	Phan Thị	Yên	3909	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
614	390939	Hà Thị Bích	Ngọc	3909	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
615	390940	Hoàng Hoàng	Anh	3909	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
616	390941	Hàn Đức	Trung	3909	MHP	17	5	0	0	800,000	0	800,000
617	390942	Nguyễn Thu	Trang	3909	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
618	390943	Nguyễn Chí	Thắng	3909	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
619	390944	Hoàng Đức	Chung	3909	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
620	390945	Nguyễn Minh	Ngọc	3909	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
621	390946	Trần Thị Xuân	Thu	3909	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
622	390947	Đỗ Gia	Long	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
623	390948	Mai Thị Quỳnh	Anh	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
624	390949	Phạm Thị	Vân	3909	BT	14	1	0	2,240,000	160,000	0	2,400,000
625	390950	Phạm Hồng	Anh	3909	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
626	390951	Cao Lê Quỳnh	Anh	3909	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
627	390952	Nguyễn Thị Thu	Hằng	CLC39A	CLC39	16	0	0	12,480,000	0	0	12,480,000
628	390953	Trần Tuyết	Như	3909	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
629	390955	Phạm Hải	Bình	3909	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
630	390956	Phạm Ngọc Minh	Châu	3909	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
631	390957	Trần Văn	Ba	3909	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
632	390958	Lữ Đình Thu	Thủy	3909	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
633	390959	Trần Thị	Len	3909	MHP	14	0	0	0	0	0	0
634	390960	Lê Minh	Thu	3909	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
635	390961	Phạm Thị Bảo	Ngọc	3909	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
636	390963	Phạm Quỳnh	Trang	3909	BT	11	5	0	1,760,000	800,000	0	2,560,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
637	390964	Vũ Bảo	Trâm	3909	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
638	390966	Nguyễn Hoàng	Nam	3909	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
639	390967	Nguyễn Diệu	Thùy	3909	BT	11	5	0	1,760,000	800,000	0	2,560,000
640	390968	Vũ Thị Thảo	Khuê	3909	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
641	390969	Và A	Chá	3909	CT	13	9	0	0	1,440,000	0	1,440,000
642	390970	Lò Thị	Lương	3909	CT	16	0	0	0	0	0	0
643	390971	Hà Anh	Thơ	3909	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
644	390972	Giang Thị	Ngân	3909	CT	14	4	0	0	640,000	0	640,000
645	390973	Cà Thị	Phương	3909	YCXH	16	0	0	5,760,000	0	0	5,760,000
646	390974	Pờ Cồ	Thơm	3909	CT	15	3	0	0	480,000	0	480,000
647	390980	Nguyễn Thùy	Dương	3909	YCXH	15	6	0	5,400,000	2,160,000	0	7,560,000
648	390981	Tạ Thị Ngọc	Quỳnh	3909	YCXH	14	5	0	5,040,000	1,800,000	0	6,840,000
649	390982	Phan Quốc	Hiệp	3909	YCXH	14	5	0	5,040,000	1,800,000	0	6,840,000
650	391001	Đỗ Thị	Thuận	3910	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
651	391002	Nguyễn Thị Hiền	Trang	3910	MHP	14	0	0	0	0	0	0
652	391003	Nguyễn Thị	Vy	3910	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
653	391004	Đồng Thanh	Huệ	3910	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
654	391005	Hoàng Mạnh	Hà	3910	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
655	391006	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	3910	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
656	391007	Dương Thị	Nhài	3910	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
657	391008	Mã Thị Yến	Chi	3910	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
658	391010	Dương Thị Thanh	Hương	3910	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
659	391011	Nguyễn Thu	Hà	3910	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
660	391012	Lê Thùy	Trang	3910	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
661	391013	Nguyễn Thị	Bình	3910	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
662	391014	Lê Thị Lâm	Anh	3910	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
663	391015	Nguyễn Hoàng	Tùng	3910	BT	11	0	0	1,760,000	0	0	1,760,000
664	391016	Lương Lê	Mai	3910	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
665	391017	Trần Đại	Thịnh	3910	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
666	391018	Lò Thị	Tuyết	3910	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
667	391019	Mai Thị Hà	Giang	3910	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
668	391020	Nguyễn Ngọc	Linh	3910	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
669	391021	Lê Thị	Lân	3910	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
670	391022	Trần Thị	Vân	3910	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
671	391023	Lò Thị	Nụ	3910	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
672	391024	Nguyễn Văn	Hoàn	3910	BT	14	1	0	2,240,000	160,000	0	2,400,000
673	391025	Nguyễn Thị	Hoa	3910	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
674	391026	Phạm Ngọc	Quỳnh	3910	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
675	391027	Phạm Thị Thanh	Huyền	3910	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
676	391028	Hoàng Thị	Phượng	3910	MHP	14	0	0	0	0	0	0

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
677	391029	Đặng Thị	Hà	3910	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
678	391030	Thân Thị	Hoa	3910	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
679	391031	Đặng Văn	Thành	3910	BT	13	1	0	2,080,000	160,000	0	2,240,000
680	391032	Trần Văn	Công	3910	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
681	391033	Nguyễn Thùy	Linh	3910	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
682	391035	Vũ Thị Hoài	Phuong	3910	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
683	391036	Ninh Thị	Hoa	3910	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
684	391037	Nông Thị	Hà	3910	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
685	391038	Nguyễn Thị	Dung	3910	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
686	391039	Hà Thanh	Tùng	3910	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
687	391040	Vũ Thị Hương	Ly	3910	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
688	391041	Nguyễn Khánh	Ninh	3910	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
689	391042	Đỗ Như	Hào	3910	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
690	391043	Tạ Hoàng	Đặng	3910	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
691	391044	Nguyễn Trọng	Thái	3910	MHP	14	0	0	0	0	0	0
692	391045	Đỗ Quang	Thắng	3910	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
693	391046	Phan Thị	Mai	3910	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
694	391047	Lại Lê	Thu	CLC39A	CLC39	18	4	0	14,040,000	3,120,000	0	17,160,000
695	391048	Trần Doãn	Hung	3910	MHP	15	0	0	0	0	0	0
696	391049	Đoàn Thị	Ngân	3910	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
697	391050	Nguyễn Thùy	Linh	3910	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
698	391051	Phạm ái	Ninh	3910	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
699	391052	Đinh Thị Thanh	Tâm	3910	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
700	391053	Nguyễn Phương	Thảo	3910	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
701	391054	Vũ Thị Cẩm	Hà	3910	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
702	391055	Nguyễn Phương	Thảo	3910	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
703	391056	Nguyễn Thị	Huệ	3910	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
704	391057	Vũ Thị	Thủy	3910	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
705	391058	Hoàng Lan	Anh	3910	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
706	391059	Nguyễn Hồng	Hạnh	3910	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
707	391060	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	3910	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
708	391061	Nguyễn Minh	Quân	3910	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
709	391063	Lê Quỳnh	Anh	3910	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
710	391064	Nguyễn Thành	Thái	3910	BT	13	0	4	2,080,000	0	640,000	2,720,000
711	391065	Nguyễn Thị Hồng	Việt	3910	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
712	391066	Võ Ngọc Phương	Linh	3910	BT	13	0	0	2,080,000	0	0	2,080,000
713	391067	Phạm Kim	Tuyền	3910	BT	15	3	0	2,400,000	480,000	0	2,880,000
714	391068	Lương Thu	Phuong	3910	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
715	391069	Đặng Linh	Chi	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
716	391070	Dương Trần	Minh	3910	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
717	391071	Phạm Thu	Thủy	3910	BT	14	0	7	2,240,000	0	1,120,000	3,360,000
718	391072	Đào Đức	Thịnh	3910	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
719	391073	Nguyễn Trung	Hưng	3910	BT	14	3	0	2,240,000	480,000	0	2,720,000
720	391074	Nguyễn Diệu	Linh	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
721	391075	Hoàng Mỹ	Linh	3910	BT	15	0	4	2,400,000	0	640,000	3,040,000
722	391080	Vũ Thị	Phương	3910	YCXH	14	8	0	5,040,000	2,880,000	0	7,920,000
723	391081	Nguyễn Việt	Hoàng	3910	YCXH	14	8	0	5,040,000	2,880,000	0	7,920,000
724	391101	Tô Như	Mây	3911	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
725	391102	Lý Thị	Đoàn	3911	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
726	391103	Nông Thị Hương	Quỳnh	3911	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
727	391104	Cao Minh	Công	3911	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
728	391105	Lê Thị	Hậu	3911	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
729	391106	Xương Thị Thanh	Dung	3911	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
730	391107	Vương Thanh	Hằng	3911	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
731	391108	Hoàng Thị	Thảo	3911	MHP	14	0	0	0	0	0	0
732	391109	Đàm Thị	Vui	3911	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
733	391110	Nguyễn Thị Phương	Thảo	3911	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
734	391111	Phùng Thị	Hoa	3911	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
735	391112	Nguyễn Minh	Nguyệt	3911	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
736	391113	Tòng Thu	Hà	3911	BT	14	4	0	2,240,000	640,000	0	2,880,000
737	391114	Lương Thị Ngọc	ánh	3911	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
738	391115	Đinh Hương	Thảo	3911	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
739	391116	Bùi Thị Bảo	Chi	3911	BT	14	4	0	2,240,000	640,000	0	2,880,000
740	391117	Đinh Thị Ngọc	Anh	3911	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
741	391118	Phan Thị	Hoa	3911	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
742	391119	Hồ Quỳnh	Trang	3911	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
743	391120	Đinh Thị Minh	Ngọc	3911	BT	14	4	0	2,240,000	640,000	0	2,880,000
744	391121	Phạm Thị	Ly	3911	MHP	18	0	0	0	0	0	0
745	391122	Đào Thị	Trà	3911	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
746	391124	Dương Thị	Mừng	3911	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
747	391125	Trần Thị Ngọc	Huyền	3911	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
748	391126	Hoàng Anh	Biển	3911	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
749	391127	Trần Thị	Phượng	3911	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
750	391128	Lê Thị Quỳnh	Anh	3911	BT	14	4	0	2,240,000	640,000	0	2,880,000
751	391129	Ngô Thị Thu	Huyền	3911	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
752	391130	Phạm Thị Thu	Uyên	3911	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
753	391131	Cao Tư	Pháp	3911	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
754	391132	Phan Thị Thu	Hằng	3911	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
755	391133	Ô Thị Thuý	Trang	3911	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
756	391134	Bùi Mai	Linh	3911	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
757	391135	Phạm Thị Yến	3911	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
758	391136	Nông Thị Lam	3911	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
759	391137	Vì Thị Hương	3911	MHP	19	0	0	0	0	0	0
760	391138	Đặng Thị Thuý	3911	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
761	391139	Nông Thị Trung	3911	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
762	391141	Phạm Đức Hoàng	3911	BT	17	9	0	2,720,000	1,440,000	0	4,160,000
763	391142	Nguyễn Thị Thúy	3911	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
764	391143	Khuất Thị Liễu	3911	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
765	391144	Trần Thị Thu	3911	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
766	391145	Đào Mai Hương	3911	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
767	391146	Trần Mai Hương	3911	BT	16	4	0	2,560,000	640,000	0	3,200,000
768	391147	Ngô Thị Quỳnh	3911	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
769	391148	Cao Hoàng Thùy	3911	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
770	391149	Đỗ Thị Thúy	3911	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
771	391150	Nguyễn Thu Trang	3911	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
772	391151	Trần Hoài Linh	3911	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
773	391152	Lê Thị Khánh Huyền	3911	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
774	391153	Vũ Hà My	3911	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
775	391154	Phùng Phương Như	3911	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
776	391155	Trần Thị Minh Anh	3911	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
777	391156	Vì Nhật Hà	3911	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
778	391157	Nguyễn Thị Thuý Hà	3911	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
779	391158	Lê Thị Kiều Hoa	3911	BT	12	0	5	1,920,000	0	800,000	2,720,000
780	391159	Phan Diệu Linh	3911	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
781	391160	Trương Tuấn Ngọc	3911	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
782	391161	Nguyễn Thị Thanh Hà	3911	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
783	391162	Trần Thùy Linh	3911	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
784	391163	Nguyễn Viết Hoàng Sơn	3911	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
785	391164	Trần Hồng Ngọc	3911	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
786	391165	Trần Lý Thạch Thảo	3911	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
787	391166	Âu Thị Minh Nguyệt	3911	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
788	391167	Kiều Quang Tiến Đạt	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
789	391168	Nông Thị Tình	3911	CT	20	0	0	0	0	0	0
790	391169	Ngọc Thị Huyền Trâm	3911	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
791	391170	Nguyễn Văn Nguyên	3911	CT	18	0	0	0	0	0	0
792	391171	Lê Thị Mai Hương	3911	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
793	391172	Nông Diệu Thuý	3911	BT	18	5	0	2,880,000	800,000	0	3,680,000
794	391181	Hoàng Văn Dũng	3911	YCXH	17	9	0	6,120,000	3,240,000	0	9,360,000
795	391201	Trương Ngọc Vũ	3912	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
796	391202	Trịnh Hoài Phương	3912	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
797	391203	Nông Thị Hòa		3912	MHP	18	0	0	0	0	0	0
798	391204	Nguyễn Thị Thu Hiền		3912	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
799	391205	Nông Mai Hương		3912	MHP	14	0	0	0	0	0	0
800	391206	Hoàng Thị Lịch		3912	MHP	19	0	0	0	0	0	0
801	391207	Hà Thị Điệp		3912	MHP	18	0	0	0	0	0	0
802	391208	Mông Thị Vinh		3912	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
803	391209	Nông Thị Thuý Vân		3912	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
804	391210	Nguy Thị Linh Chúc		3912	BT	12	13	0	1,920,000	2,080,000	0	4,000,000
805	391211	Vi Thị Trang		3912	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
806	391212	Chu Tổ Uyên		3912	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
807	391213	Bùi Phương Thảo		3912	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
808	391214	Nguyễn Ngọc ánh		3912	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
809	391215	Lê Thị Lan		3912	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
810	391216	Xa Diệu Linh		3912	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
811	391217	Nguyễn Thị Bích Ngọc		3912	MHP	18	0	0	0	0	0	0
812	391218	Đinh Hồng Thiên		3912	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
813	391219	Trần Thị Hoá		3912	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
814	391220	Trương Thị Uyên		3912	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
815	391221	Trương Thị Kim Oanh		3912	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
816	391222	Nguyễn Thị Thảo		3912	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
817	391223	Lê Thị Thu Hiền		3912	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
818	391224	Phùng Thu Thủy		3912	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
819	391225	Phạm Như Quỳnh		3912	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
820	391226	Trần Thị Kim Xuyên		3912	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
821	391227	Trần Thị Thuý Hiền		3912	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
822	391228	Vũ Thị Mai Oanh		3912	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
823	391229	Nguyễn Thị Thanh Vân		3912	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
824	391230	Đỗ Xuân Toàn		3912	BT	17	0	5	2,720,000	0	800,000	3,520,000
825	391231	Nguyễn Thị Thương		3912	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
826	391232	Lê Thị Thu Hà		3912	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
827	391233	Nguyễn Thị Thúy		3912	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
828	391234	Nguyễn Minh Diệu		3912	BT	14	4	0	2,240,000	640,000	0	2,880,000
829	391235	Liều Thành Nam		3912	BT	16	5	0	2,560,000	800,000	0	3,360,000
830	391236	Triệu Thị Thu Trang		3912	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
831	391237	Bạc Thị Cẩm Anh		3912	MHP	19	0	0	0	0	0	0
832	391238	Lương Thị Doan		3912	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
833	391239	Hoàng Thị Hiếu		3912	MHP	16	0	0	0	0	0	0
834	391240	Lương Thị Minh Thu		3912	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
835	391241	Trịnh Thị Kim Tuyền		3912	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
836	391242	Nguyễn Văn Bính		3912	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
837	391244	Trịnh Thị Thu	Phương	3912	BT	17	2	0	2,720,000	320,000	0	3,040,000
838	391245	Nguyễn Thị Phương	Thảo	3912	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
839	391246	Nguyễn Thị Khánh	Linh	3912	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
840	391247	Nguyễn Hồng	Diệp	3912	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
841	391248	Đỗ Thanh	Phan	3912	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
842	391249	Hoàng Thị	Thịnh	3912	GHP	14	0	0	1,120,000	0	0	1,120,000
843	391250	Hoàng Nguyệt	Hà	3912	BT	16	0	4	2,560,000	0	640,000	3,200,000
844	391251	Nguyễn Thị Thu	Hồng	3912	BT	16	5	0	2,560,000	800,000	0	3,360,000
845	391253	Trần Thị	Hằng	3912	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
846	391254	Hứa Hải	Linh	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
847	391255	Phạm Thị	Nga	3912	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
848	391256	Nguyễn Thị Khánh	Linh	3912	BT	14	4	0	2,240,000	640,000	0	2,880,000
849	391257	Trần Ngọc Kim	Anh	3912	BT	15	0	4	2,400,000	0	640,000	3,040,000
850	391258	Lê Phương	Thảo	3912	MHP	14	0	0	0	0	0	0
851	391259	Lê Ngọc	Toàn	3912	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
852	391260	Ngô Xuân	Kỳ	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
853	391261	Nguyễn Việt	Hùng	3912	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
854	391262	Dương Quang	Dũng	3912	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
855	391263	Phạm Hoàng Phương	Anh	3912	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
856	391264	Nguyễn Hương	Giang	3912	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
857	391265	Ngô Diệu	Anh	3912	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
858	391266	Đặng Thị Lan	Anh	3912	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
859	391267	Võ Tuấn	Linh	3912	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
860	391268	Hạng Thị	Chứ	3912	CT	17	0	0	0	0	0	0
861	391269	Đinh Thị Thu	Hà	3912	CT	14	1	0	0	160,000	0	160,000
862	391270	Nguyễn Minh	Huyền	3912	YCXH	19	1	0	6,840,000	360,000	0	7,200,000
863	391271	Nguyễn Thị Thuý	Dương	3912	BT	18	0	5	2,880,000	0	800,000	3,680,000
864	391280	Đỗ Tiến	Vinh	3912	YCXH	14	8	0	5,040,000	2,880,000	0	7,920,000
865	391281	Nguyễn Trúc	Quỳnh	3912	YCXH	14	8	0	5,040,000	2,880,000	0	7,920,000
866	391282	Trần Phương	Thảo	3912	YCXH	14	8	0	5,040,000	2,880,000	0	7,920,000
867	391301	Mai Diễm	Linh	3913	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
868	391302	Hoàng Thu	Hà	3913	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
869	391303	Hoàng Thu	Phương	3913	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
870	391304	Phùng Tiến	Anh	3913	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
871	391305	Hoàng Trung	Tiến	3913	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
872	391306	Trần Khánh	Linh	3913	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
873	391307	Lò Minh	Dũng	3913	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
874	391308	Nông Thị Diễm	Hương	3913	MHP	16	0	0	0	0	0	0
875	391309	Hứa Thị Kim	Oanh	3913	MHP	14	0	0	0	0	0	0
876	391310	Trần Thị Mỹ	Nhật	3913	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
877	391311	Đặng Phúc	Quân	3913	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
878	391312	Mai Tuyết	Nhung	3913	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
879	391313	Vũ Thị Mỹ	Huyền	3913	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
880	391314	Nguyễn Thị	Trang	3913	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
881	391315	Trương Diệu	Liên	3913	MHP	14	5	0	0	800,000	0	800,000
882	391316	Trần Thị Tú	Quỳnh	3913	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
883	391317	Bùi Thị	Học	3913	MHP	15	0	0	0	0	0	0
884	391318	Bùi Thủy Hiền	Mây	3913	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
885	391319	Nguyễn Thị	Loan	3913	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
886	391320	Hoàng Thị Khánh	Huyền	3913	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
887	391321	Đông Thị Huyền	Linh	3913	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
888	391322	Phan Thị	Bằng	3913	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
889	391323	Lưu Thị Hồng	Hạnh	3913	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
890	391324	Nguyễn Thị	Thảo	3913	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
891	391325	Lê Thị	Yến	3913	BT	16	4	0	2,560,000	640,000	0	3,200,000
892	391326	Nguyễn Thị	Huế	3913	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
893	391327	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	3913	BT	16	4	0	2,560,000	640,000	0	3,200,000
894	391328	Nguyễn Thị	Hường	3913	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
895	391329	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	3913	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
896	391330	Nguyễn Thị Thùy	Linh	3913	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
897	391331	Dương Thị	Tuyết	3913	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
898	391332	Lê Thị Thảo	Trang	3913	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
899	391334	Vì Thị	Mơ	3913	MHP	16	0	5	0	0	800,000	800,000
900	391335	Đinh Thị Thục	Hiền	3913	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
901	391336	Lê Thị Khánh	Linh	3913	BT	16	5	0	2,560,000	800,000	0	3,360,000
902	391337	Nguyễn Thị	Hằng	3913	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
903	391338	Lê Thị	Linh	3913	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
904	391339	Nguyễn Khánh	Ly	3913	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
905	391340	Trương Thị	Quỳnh	3913	BT	14	0	2	2,240,000	0	320,000	2,560,000
906	391341	Nguyễn Kiều	Loan	3913	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
907	391342	Nguyễn Thị Phương	Thảo	3913	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
908	391343	Trịnh Thị Trà	My	3913	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
909	391344	Phùng Thị	Thoa	3913	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
910	391345	Phạm Thuỳ	Ninh	3913	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
911	391346	Nguyễn Thị Thu	Huyền	3913	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
912	391347	Vũ Thanh	Hương	3913	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
913	391348	Ngô Lê	Phương	3913	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
914	391349	Vũ Đặng Đan	Quỳnh	3913	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
915	391350	Nguyễn Thị Phương	Uyên	3913	MHP	14	0	0	0	0	0	0
916	391351	Nguyễn Ngọc	Thảo	3913	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
917	391352	Trần Tuyết	Mai	3913	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
918	391353	Đỗ Thị Lan	Hương	3913	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
919	391354	Chữ Hà	Phương	3913	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
920	391355	Lương Thị Mỹ	Huyền	3913	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
921	391356	Nguyễn Thị Hằng	Nga	3913	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
922	391357	Thái Thị Kim	Ngân	3913	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
923	391358	Hà Thu	Thảo	3913	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
924	391359	Nguyễn Chí	Hiếu	3913	BT	16	4	0	2,560,000	640,000	0	3,200,000
925	391360	Nguyễn Văn	Anh	3913	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
926	391361	Nguyễn Phương	Hiếu	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
927	391362	Lê Hương	Trà	3913	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
928	391363	Nguyễn Minh	Thắng	3913	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
929	391364	Vũ Thị	Phương	3913	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
930	391365	Bùi Nguyễn Minh	Hằng	3913	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
931	391366	Nguyễn Ngọc	Phượng	CLC39A	CLC39	18	9	0	14,040,000	7,020,000	0	21,060,000
932	391367	Trần Phương	Hoa	3913	YCXH	14	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
933	391368	Lê Thu	Trang	3913	BT	14	4	0	2,240,000	640,000	0	2,880,000
934	391369	Phạm Diệu	Hương	3913	BT	16	4	0	2,560,000	640,000	0	3,200,000
935	391370	Nguyễn Minh	Ngọc	3913	CT	17	5	0	0	800,000	0	800,000
936	391371	Vũ Thị Thương	Thương	3913	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
937	391373	Bùi Văn	Thái	3913	YCXH	18	0	5	6,480,000	0	1,800,000	8,280,000
938	391374	Bùi Văn	Nghĩa	3913	YCXH	18	0	0	6,480,000	0	0	6,480,000
939	391401	Nguyễn Thị Tổ	Minh	3914	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
940	391402	Phan Văn	Tuấn	3914	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
941	391403	Nông Thị	Nghiêm	3914	MHP	16	0	0	0	0	0	0
942	391404	Lê Thị Thu	Hương	3914	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
943	391405	Nguyễn Thị	Lan	3914	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
944	391406	Trịnh Hạ	Vy	3914	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
945	391407	Vy Thị Kiều	Diễm	3914	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
946	391408	Phạm Mỹ Nhật	Anh	3914	MHP	16	0	0	0	0	0	0
947	391409	Chu Yên	Nhi	3914	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
948	391410	Dương Thị	Lành	3914	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
949	391411	Nguyễn Thị	Huyền	3914	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
950	391412	Hoàng Ngọc	Quỳnh	3914	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
951	391413	Bế Thùy	Linh	3914	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
952	391414	Bùi Thanh	Hương	3914	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
953	391415	Chu Thị Kiều	Trang	3914	BT	16	5	0	2,560,000	800,000	0	3,360,000
954	391416	Trần Thanh	Hương	3914	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
955	391417	Lê Thị	Duyên	3914	BT	17	4	0	2,720,000	640,000	0	3,360,000
956	391418	Nguyễn Thị Hồng	Dinh	3914	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
957	391419	Nguyễn Hữu	Kích	3914	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
958	391420	Đỗ Thị	Diễm	3914	BT	16	0	4	2,560,000	0	640,000	3,200,000
959	391421	Nguyễn Thị Quỳnh	Thu	3914	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
960	391422	Lương Thị	Tình	3914	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
961	391423	Doãn Thị Thúy	Lan	3914	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
962	391424	Lê Thị	Lan	3914	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
963	391425	Lê Thị Hải	Yến	3914	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
964	391426	Nguyễn Hồng	Nhung	3914	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
965	391427	Lê Thị	Hà	3914	BT	14	4	0	2,240,000	640,000	0	2,880,000
966	391428	Phạm Thu	Thảo	3914	BT	16	4	0	2,560,000	640,000	0	3,200,000
967	391429	Bý Thị Vân	Anh	3914	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
968	391430	Nguyễn Thị Thùy	Dương	3914	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
969	391431	Lê Thị	Nhi	3914	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
970	391432	Trần Phan Thị	Thuận	3914	MHP	14	0	0	0	0	0	0
971	391433	Phạm Thị	Hoa	3914	BT	17	0	5	2,720,000	0	800,000	3,520,000
972	391434	Trương Hải	Quyên	3914	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
973	391435	Lương Thị Minh	Ngọc	3914	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
974	391436	Đinh Diệu	Linh	3914	MHP	14	0	0	0	0	0	0
975	391437	Đặng Trung	Nghĩa	3914	BT	16	1	0	2,560,000	160,000	0	2,720,000
976	391438	Nguyễn Lê	Bình	CLC39A	CLC39	18	4	0	14,040,000	3,120,000	0	17,160,000
977	391439	Trần Thị Hạnh	Ngân	3914	BT	16	6	0	2,560,000	960,000	0	3,520,000
978	391440	Lê Thị Hà	Phương	3914	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
979	391441	Hoàng Thị	Oanh	3914	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
980	391442	Lương Thị Mai	Anh	3914	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
981	391443	Trần Hồng Ngọc	Diệp	3914	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
982	391444	Phùng Thị	Hạnh	3914	BT	17	0	4	2,720,000	0	640,000	3,360,000
983	391445	Vũ Thị Minh	Thương	3914	BT	19	0	5	3,040,000	0	800,000	3,840,000
984	391446	Nguyễn Song	An	3914	BT	16	5	0	2,560,000	800,000	0	3,360,000
985	391447	Nguyễn Hoàng	Anh	3914	BT	15	5	0	2,400,000	800,000	0	3,200,000
986	391448	Nguyễn Thu	Hiền	3914	GHP	18	0	0	1,440,000	0	0	1,440,000
987	391449	Chu Thị Khánh	Huyền	3914	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
988	391450	Nguyễn Thị	Nhung	3914	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
989	391451	Trương Thị	Xuân	3914	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
990	391452	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	3914	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
991	391453	Trần Tuyết	Nhi	3914	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
992	391454	Nguyễn Kim	Anh	3914	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
993	391455	Nguyễn Thị Hương	Ly	3914	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
994	391456	Nguyễn Thị	Thương	3914	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
995	391457	Bùi Quyền	Linh	3914	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
996	391458	Nguyễn Thuý	Hằng	3914	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
997	391459	Nguyễn Văn	Nam	3914	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
998	391460	Nguyễn Kim	Thanh	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
999	391461	Nguyễn Quỳnh	Chi	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1000	391462	Lê Thị Hương	Nhi	3914	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
1001	391463	Nguyễn Đình	Hoàng	3914	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1002	391464	Đặng Minh	Châu	3914	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
1003	391465	Đinh Thu	Thùy	3914	BT	17	0	3	2,720,000	0	480,000	3,200,000
1004	391467	Mùa Thị	Chu	3914	CT	18	0	0	0	0	0	0
1005	391468	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	3914	CT	18	0	0	0	0	0	0
1006	391469	Đào Việt	Mỹ	3914	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1007	391470	Nguyễn Thị	Dim	3914	CT	14	5	0	0	800,000	0	800,000
1008	391471	Lương Thanh	Nhàn	3914	CT	14	0	5	0	0	800,000	800,000
1009	391472	Phạm Quang	Hung	3914	YCXH	20	4	0	7,200,000	1,440,000	0	8,640,000
1010	391473	Nguyễn Nam	Son	3914	YCXH	18	0	0	6,480,000	0	0	6,480,000
1011	391474	Nguyễn Văn	Tài	3914	YCXH	19	0	0	6,840,000	0	0	6,840,000
1012	391501	Lê Hoàng	Anh	3915	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1013	391502	Nông Ái	Quốc	3915	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1014	391503	Hoàng Thị	Cúc	3915	MHP	17	0	0	0	0	0	0
1015	391504	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	3915	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1016	391505	Lưu Nhật	Lệ	3915	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1017	391506	Ngô Thị Thảo	Liên	3915	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
1018	391507	Hà Thị	Trung	3915	BT	17	0	5	2,720,000	0	800,000	3,520,000
1019	391508	Bế Thùy	Linh	3915	BT	18	0	5	2,880,000	0	800,000	3,680,000
1020	391509	Nông Văn	Cương	3915	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1021	391510	Hà Diệu	Linh	3915	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1022	391511	Dương Thị	Thắm	3915	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1023	391512	Bùi Bảo	Đại	3915	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1024	391513	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	3915	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1025	391514	Nguyễn Thị	Thủy	3915	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1026	391515	Lương Văn	Thái	3915	BT	16	2	0	2,560,000	320,000	0	2,880,000
1027	391516	Đỗ Minh	Thu	3915	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1028	391517	Nguyễn Thị	Thu	3915	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1029	391518	Nguyễn Thu	Thủy	3915	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
1030	391519	Đặng Thị Phương	Lan	3915	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1031	391520	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	3915	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1032	391521	Tông Thị	Thảo	3915	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1033	391522	Đoàn Thị	Thúy	3915	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1034	391523	Phan Thị	Duyên	3915	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1035	391524	Đỗ Thị Hà	Trang	3915	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1036	391525	Lê Thị	Vân	3915	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1037	391526	Bùi Văn	Đạt	3915	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1038	391527	Phạm Thị Thanh	Huyền	3915	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1039	391528	Trần Xuân	Quảng	3915	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1040	391529	Phạm Thị	Thoa	3915	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1041	391530	Trần Thị Bích	Phương	3915	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1042	391531	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	3915	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
1043	391532	Tăng Thị	Hương	3915	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1044	391533	Dương Viết	Cường	3915	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1045	391534	Lê Phương	Oanh	3915	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1046	391535	Phương Ngọc Thu	Thảo	3915	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1047	391536	Nông Thuần	Yến	3915	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1048	391537	Hoàng Thị Như	Quỳnh	3915	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1049	391538	Đoàn Thị Vân	Anh	3915	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1050	391539	Trần Thị Thu	Giang	3915	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1051	391540	Tổng Thị	Linh	3915	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1052	391541	Trần Thị	Hiên	3915	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1053	391542	Phạm Thị	Nhung	3915	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1054	391543	Hoàng Ngọc	Minh	3915	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1055	391544	Vũ Văn	Mỹ	3915	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
1056	391545	Chu Thị Thanh	Hiên	3915	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1057	391546	Nguyễn Đức	Hiệp	3915	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1058	391547	Hà Nguyên	Sự	3915	MHP	14	5	0	0	800,000	0	800,000
1059	391549	Trần Nam	Giang	3915	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1060	391550	Hà Thu	Hiên	3915	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1061	391551	Phạm Thị	Nga	3915	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1062	391552	Nguyễn Văn Trường	Son	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1063	391553	Nguyễn Vũ Vân	Anh	3915	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1064	391554	Nguyễn Thị Ngọc	Hào	3915	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1065	391555	Phạm Thị Ngọc	Trâm	3915	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1066	391556	Vũ Thị Hải	Yến	3915	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1067	391557	Nguyễn Thị Hoài	Thu	3915	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1068	391558	Nguyễn Thùy	Linh	3915	BT	16	2	0	2,560,000	320,000	0	2,880,000
1069	391559	Trần Hoàng	Minh	3915	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1070	391560	Phạm Thị Mai	Hương	3915	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1071	391561	Cao Khánh	Linh	3915	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1072	391562	Nguyễn Kim	Thúy	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1073	391563	Lê Anh	Tùng	3915	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1074	391564	Ngô Mỹ	Huyền	3915	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1075	391565	Đoàn Đức	Kiên	3915	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1076	391566	Nguyễn Nhung Mỹ	Huyền	3915	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1077	391567	Lê Tuấn	Minh	3915	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1078	391568	Đặng Huy	Hoàng	3915	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1079	391569	Phảng A	Chu	3915	CT	14	0	0	0	0	0	0
1080	391570	Đặng Diệu	Hà	3915	CT	14	0	5	0	0	800,000	800,000
1081	391571	Vì Thị	ánh	3915	CT	12	5	0	0	800,000	0	800,000
1082	391572	Hà Văn	Trụ	3915	CT	14	5	0	0	800,000	0	800,000
1083	391573	Sùng Thị	Hồng	3915	CT	16	0	5	0	0	800,000	800,000
1084	391574	Lê Thành	Phương	3915	YCXH	16	4	0	5,760,000	1,440,000	0	7,200,000
1085	391575	Vũ Quang	Tùng	3915	YCXH	15	0	0	5,400,000	0	0	5,400,000
1086	391576	Đỗ Thành	Thắng	3915	YCXH	17	5	0	6,120,000	1,800,000	0	7,920,000
1087	391601	Đinh Thị	Thư	3916	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1088	391602	Lý Tài	Hiếu	3916	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1089	391603	Nguyễn Dịu	Hiền	3916	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
1090	391604	Trần Thị Việt	Chinh	3916	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1091	391605	Trần Văn	Dũng	3916	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1092	391606	Vũ Thị Chà	Ly	3916	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
1093	391607	Nguyễn Mỹ	Linh	3916	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
1094	391608	Trịnh Tiến	Dũng	3916	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1095	391609	Lành Thị	Điểm	3916	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1096	391610	Tạ Thảo	Nhi	3916	BT	17	4	0	2,720,000	640,000	0	3,360,000
1097	391611	Nguyễn Thị	Hoài	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1098	391612	Nguyễn Thị	Liên	3916	MHP	14	5	0	0	800,000	0	800,000
1099	391613	Nguyễn Thanh	Hoa	3916	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1100	391614	Hoàng Thu	Hoài	3916	BT	15	5	0	2,400,000	800,000	0	3,200,000
1101	391615	Lê Đức	Thắng	3916	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1102	391616	Phạm Thị Thu	Huyền	3916	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
1103	391617	Nguyễn Văn	Long	3916	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1104	391618	Vũ Hạnh Trâm	Anh	3916	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1105	391619	Bùi Thị	Diệu	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1106	391620	Lê Thị	Huệ	3916	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1107	391621	Nguyễn Bích	Ngọc	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1108	391622	Lê Thị Thanh	Phương	3916	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1109	391623	Nguyễn Thị	Châu	3916	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
1110	391624	Cao Thị	Hoài	3916	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1111	391625	Nguyễn Thị	ánh	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1112	391626	Lương Thị	Nhinh	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1113	391627	Nguyễn Thị	Hằng	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1114	391628	Nguyễn Thị	Thủy	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1115	391629	Lường Nhật	Lê	3916	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1116	391630	Tô Đỗ Thảo	My	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1117	391631	Phan Thảo	Linh	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1118	391632	Trần Thị Bích	Phượng	3916	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
1119	391633	Phan Thị	Huệ	3916	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1120	391634	Hoàng Phương	Hiệp	3916	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
1121	391635	Trần Thị Tuyết	Nương	3916	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1122	391636	Lường Bảo	Yến	3916	BT	16	0	4	2,560,000	0	640,000	3,200,000
1123	391637	Đinh Thị Kim	Tuyến	3916	BT	15	5	0	2,400,000	800,000	0	3,200,000
1124	391638	Lê Thu	Ngân	3916	MHP	14	0	0	0	0	0	0
1125	391639	Lê Thị Thu	Trang	3916	BT	15	5	0	2,400,000	800,000	0	3,200,000
1126	391640	Hồ Thị	Hằng	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1127	391641	Đỗ Ngọc	Diệp	3916	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1128	391642	Bùi Đức	Cường	3916	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1129	391643	Lê Hoàng	Son	3916	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1130	391644	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	3916	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1131	391646	Cao Ngân	Giang	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1132	391648	Lê Thị Thùy	Dung	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1133	391649	Phùng Thị Như	Quỳnh	3916	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1134	391650	Nguyễn Thị Thu	Nga	3916	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1135	391651	Đặng Phụng	Nhi	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1136	391652	Nguyễn Thu	Thảo	3916	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1137	391653	Nguyễn Thị Thúy	Anh	3916	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1138	391654	Cao Thị Hồng	Nhung	3916	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1139	391655	Nguyễn Ngân	Hạnh	3916	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1140	391656	Nguyễn Hoàng Thanh	Vân	3916	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1141	391657	Phạm Vũ Thu	Bình	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1142	391658	Nguyễn Linh	Chi	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1143	391659	Châu Hoàng Quyên	Quyên	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1144	391660	Phạm Thị Hồng	Anh	3916	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1145	391661	Phạm Thị Hồng	Diệp	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1146	391662	Trần Thế	Trung	3916	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1147	391663	Vũ Quốc	Đạt	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1148	391664	Trịnh Văn	Trung	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1149	391665	Trần Phúc	Đại	3916	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1150	391666	Vũ Minh	Trang	3916	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1151	391667	Nguyễn Hương	Ly	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1152	391668	Ngô Chu	Anh	3916	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1153	391669	Giàng Thị	Mai	3916	CT	19	0	0	0	0	0	0
1154	391670	Vàng A	Dũng	3916	CT	15	0	0	0	0	0	0
1155	391671	Đặng Thị Thu	Phương	3916	CT	20	0	0	0	0	0	0
1156	391672	Dương Lệ	Thủy	3916	CT	12	4	0	0	640,000	0	640,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1157	391674	Nguyễn Thị	Duyên	3916	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1158	391675	Quách Đình	Duy	3916	YCXH	17	0	0	6,120,000	0	0	6,120,000
1159	391676	Nguyễn Trường	Giang	3916	YCXH	17	0	0	6,120,000	0	0	6,120,000
1160	391677	Nguyễn Văn	Công	3916	YCXH	17	0	0	6,120,000	0	0	6,120,000
1161	391701	Lý Huyền	Linh	3917	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1162	391702	Nông Thị	Lê	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1163	391703	Vi Thị	Hồng	3917	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1164	391704	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	3917	BT	14	4	0	2,240,000	640,000	0	2,880,000
1165	391705	Trần Văn	Sử	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1166	391706	Lê Thị	Chi	3917	MHP	19	0	0	0	0	0	0
1167	391707	Bạc Thị	Mai	3917	MHP	14	5	0	0	800,000	0	800,000
1168	391708	Phan Thùy	Linh	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1169	391709	Nguyễn Thị	Mai	3917	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1170	391710	Hứa Thu	Trang	3917	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1171	391711	Ngô Thị	Mai	3917	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1172	391712	Nông Việt	Hương	3917	BT	17	0	5	2,720,000	0	800,000	3,520,000
1173	391713	Nguyễn Thị Thu	Hằng	3917	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1174	391714	Cao Thị	Thương	3917	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1175	391715	Hà Thị Tuyết	Trinh	3917	MHP	14	5	0	0	800,000	0	800,000
1176	391716	Phạm Thị Linh	Đan	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1177	391717	Triệu Thị Khánh	Lam	3917	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1178	391718	Bạch Thị Huyền	Trang	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1179	391720	Đinh Thị	Thư	3917	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1180	391721	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1181	391722	Phạm Thị	Thủy	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1182	391723	Nguyễn Quang	Vinh	3917	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
1183	391724	Dương Thị	Sang	3917	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1184	391725	Lê Thị	Hà	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1185	391726	Mai Thị	Thư	3917	BT	17	0	5	2,720,000	0	800,000	3,520,000
1186	391727	Nguyễn Thị	Dương	3917	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1187	391728	Nguyễn Văn	Tài	3917	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1188	391729	Đinh Thị	Hạnh	3917	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1189	391730	Trần Xuân	Tùng	3917	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
1190	391731	Đỗ Xuân	Tú	3917	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
1191	391732	Hoàng Thị	Hiền	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1192	391733	Lê Thị	Huyền	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1193	391734	Nguyễn Thị Hải	Anh	3917	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
1194	391735	Nông Bằng	Giang	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1195	391736	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	3917	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1196	391737	Mai Thị Linh	Chi	3917	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1197	391738	Nguyễn Thuỳ	Linh	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1198	391739	Nguyễn Lan	Huong	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1199	391740	Nguyễn Thị Thu	Uyên	3917	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
1200	391741	Vũ Thị	Hà	3917	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1201	391742	Nguyễn Thị Thùy	Dung	3917	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1202	391743	Phạm Minh	Phuong	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1203	391744	Nguyễn Thị	Pha	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1204	391745	Lưu Quỳnh	Mai	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1205	391746	Nguyễn Thị Minh	Hà	3917	BT	12	5	0	1,920,000	800,000	0	2,720,000
1206	391747	Phạm Hà	Linh	3917	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1207	391748	Nguyễn Thị Thu	Trang	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1208	391749	Ngô Quỳnh	Anh	3917	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1209	391750	Đỗ Công	Uy	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1210	391751	Nguyễn Thị Khánh	Ly	3917	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1211	391752	Vũ Diệu	Linh	3917	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1212	391753	Nguyễn Dương	Thùy	3917	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1213	391754	Nguyễn Hà	Anh	3917	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1214	391755	Lê Xuân	Trung	3917	BT	12	5	0	1,920,000	800,000	0	2,720,000
1215	391756	Nguyễn Khánh	Huyền	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1216	391757	Nguyễn Thuỳ	Chi	3917	BT	12	0	5	1,920,000	0	800,000	2,720,000
1217	391758	Đỗ Anh	Minh	3917	BT	16	4	0	2,560,000	640,000	0	3,200,000
1218	391759	Hoàng Thị Hương	Giang	3917	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1219	391761	Phạm Ngọc	Duy	3917	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1220	391762	Trương Yến	Nhi	3917	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1221	391763	Hoàng Thị Lệ	Quyên	3917	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1222	391764	Trần Thị	Liên	3917	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1223	391765	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	3917	BT	15	0	4	2,400,000	0	640,000	3,040,000
1224	391766	Lâm Tiến	Tân	3917	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1225	391767	Triệu Tài	Quý	3917	CT	16	0	0	0	0	0	0
1226	391768	Hàng A	Lồng	3917	CT	20	0	0	0	0	0	0
1227	391769	Đinh Thị Như	Huế	3917	CT	14	9	0	0	1,440,000	0	1,440,000
1228	391770	Ma Thị Thu	Huyền	3917	CT	16	5	0	0	800,000	0	800,000
1229	391771	Nguyễn Thị	Nga	3917	BT	16	4	0	2,560,000	640,000	0	3,200,000
1230	391772	Đặng Việt	Chinh	3917	BT	16	5	0	2,560,000	800,000	0	3,360,000
1231	391773	Trần Việt	Anh	3917	YCXH	18	0	0	6,480,000	0	0	6,480,000
1232	391774	Nguyễn Hồng	Đức	3917	YCXH	20	0	0	7,200,000	0	0	7,200,000
1233	391775	Trương Đình	Khánh	3917	YCXH	19	0	0	6,840,000	0	0	6,840,000
1234	391801	Nông Thị Khánh	Hà	3918	BT	16	5	0	2,560,000	800,000	0	3,360,000
1235	391802	Ngô Thị Lan	Anh	3918	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1236	391803	Nguyễn Thị	Huyền	3918	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1237	391804	Hoàng Ngọc	Khoa	3918	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1238	391805	Trịnh Thùy	Dung	3918	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1239	391806	Liều Ngọc	Quân	3918	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1240	391808	Nguyễn Hoài	Thu	3918	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1241	391809	Tô Minh	Đạt	3918	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1242	391810	Hoàng Thị	Xuyến	3918	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1243	391811	Nguyễn Thị	Hiền	3918	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1244	391812	Nông Ngọc	Diệp	3918	MHP	20	0	0	0	0	0	0
1245	391813	Nông Thị Hương	Giang	3918	BT	19	4	0	3,040,000	640,000	0	3,680,000
1246	391814	Phạm Thị Phương	Trinh	3918	BT	18	4	0	2,880,000	640,000	0	3,520,000
1247	391815	Bùi Thị	Hoài	3918	MHP	14	4	0	0	640,000	0	640,000
1248	391816	Nguyễn Thu	Hà	3918	BT	17	4	0	2,720,000	640,000	0	3,360,000
1249	391817	Trần Hoàng Mỹ	Linh	3918	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1250	391818	Lê Tuấn	Dũng	3918	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1251	391819	Vi Thị Hồng	Liên	3918	MHP	14	5	0	0	800,000	0	800,000
1252	391820	Đỗ Thị Hà	Phương	3918	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1253	391821	Nguyễn Quang	Thắng	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1254	391822	Phạm Thị Hồng	Gám	3918	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1255	391823	Vũ Thị Hồng	Gám	3918	BT	15	5	0	2,400,000	800,000	0	3,200,000
1256	391824	Lê Việt	Hội	3918	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1257	391825	Lê Văn	Minh	3918	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1258	391826	Trịnh Thị	Lài	3918	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1259	391827	Nguyễn Thị	Gám	3918	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1260	391828	Nguyễn Thị	Quỳnh	3918	BT	17	0	5	2,720,000	0	800,000	3,520,000
1261	391829	Triệu Thị	Cảnh	3918	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1262	391830	Đào Thị	Hương	3918	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1263	391831	Phạm Hải	Yến	3918	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1264	391832	Vũ Đình	Hiệu	3918	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1265	391833	Nguyễn Thị Mai	Hương	3918	MHP	15	9	0	0	1,440,000	0	1,440,000
1266	391834	Hoàng Thị Hân	My	3918	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1267	391835	Nguyễn Thu	Hà	3918	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1268	391836	Trần Thị	Huyền	3918	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1269	391837	Doãn Thanh Thùy	Duyên	3918	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1270	391838	Phạm Thị	Thảo	3918	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1271	391839	Đào Mạnh	Hiệp	3918	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
1272	391840	Trần Thị	Hiền	3918	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1273	391841	Nguyễn Quốc	Toàn	3918	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
1274	391842	Đào Hồng	Thanh	3918	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1275	391843	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	3918	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1276	391844	Trần Như	Quỳnh	3918	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1277	391845	Bùi Thị Hải	Yến	3918	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1278	391846	Nguyễn Thị Thu	Trang	3918	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1279	391847	Bùi Thị	Hòa	3918	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1280	391848	Nguyễn Thu	Huyền	3918	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1281	391849	Đỗ Thị Kim	Oanh	3918	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1282	391850	Nguyễn Thuỳ	Dung	3918	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1283	391851	Hoàng Lê	Dương	3918	BT	12	5	0	1,920,000	800,000	0	2,720,000
1284	391852	Nguyễn Thị Thanh	Nga	3918	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1285	391853	Ngô Thảo	Quyên	3918	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1286	391854	Phạm Thị	Giang	3918	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1287	391855	Hà Ngọc	Anh	3918	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1288	391856	Đặng Hải	Vân	3918	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1289	391857	Phạm Thùy	Linh	3918	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1290	391858	Nguyễn Hoàng	Anh	3918	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1291	391859	Đặng Văn	Dũng	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1292	391860	Vũ Huy	Hoàng	3918	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
1293	391861	Nguyễn Hà	My	3918	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1294	391862	Mai Mỹ	Hồng	3918	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1295	391863	Nguyễn Hữu Quang	Anh	3918	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1296	391864	Lại Thị Diệu	Thùy	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1297	391865	Nguyễn Anh	Hùng	3918	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1298	391866	Phí Thanh	Hằng	3918	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1299	391867	Chu Hoài	Thương	3918	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1300	391868	Nông Thị	Quyết	3918	CT	18	0	0	0	0	0	0
1301	391869	Dương Thị	Giang	3918	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1302	391870	Nông Thị Thu	Hội	3918	CT	17	0	0	0	0	0	0
1303	391872	Ma Thị	Phượng	3918	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1304	391880	Trần Thị Phương	Linh	3918	YCXH	14	8	0	5,040,000	2,880,000	0	7,920,000
1305	391881	Vũ Nhật	Linh	3918	YCXH	17	8	0	6,120,000	2,880,000	0	9,000,000
1306	391883	Lò Văn	Minh	3918	YCXH	16	7	0	5,760,000	2,520,000	0	8,280,000
1307	391901	Chương Thị	Hương	3919	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1308	391902	Triệu Thị	Hèo	3919	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1309	391903	Dương Thị	Thoa	3919	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1310	391904	Trình Hoàng	Khiêm	3919	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1311	391905	Hà Thị Hương	Trang	3919	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1312	391906	Trần Thị Thanh	Thư	3919	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1313	391907	Đinh Thị	Hào	3919	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1314	391908	Đỗ Thị Huệ	Linh	3919	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1315	391909	Lục ánh	Nguyễn	3919	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1316	391910	Nguyễn ánh	Ngọc	3919	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1317	391911	Ma Thị Yến	3919	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1318	391912	La Thị Bảy	3919	MHP	18	0	0	0	0	0	0
1319	391913	Quách Thị Hiền	3919	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1320	391914	Vũ Thị Diệu	3919	MHP	14	5	0	0	800,000	0	800,000
1321	391915	Bạch Ngọc Trâm	3919	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1322	391916	Tăng Thị Hải Anh	3919	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1323	391917	Đinh Thị Kiều Trang	3919	BT	19	9	0	3,040,000	1,440,000	0	4,480,000
1324	391918	Phạm Thị Hoà	3919	MHP	14	5	0	0	800,000	0	800,000
1325	391919	Vũ Thị Mai Phương	3919	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1326	391920	Lò Thị Ngân	3919	BT	14	4	0	2,240,000	640,000	0	2,880,000
1327	391921	Nguyễn Phương Thảo	3919	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1328	391922	Vũ Xuân Đô	3919	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1329	391923	Hoàng Hà Phan	3919	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1330	391924	Nguyễn Thị Lệ	3919	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1331	391925	Bùi Thị Huệ	3919	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1332	391926	Đỗ Hoà An	CLC39A	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1333	391927	Hà Thị Diệu Nhung	3919	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1334	391928	Khúc Thị Thu	3919	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1335	391929	Nguyễn Sỹ Sơn	3919	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1336	391930	Hoàng Thị Ngọc Anh	3919	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
1337	391931	Ngô Hồng Đức	3919	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1338	391932	Ma Thị Chuyên	3919	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1339	391933	Lương Hà Trang	3919	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1340	391934	Nguyễn Thị Thùy Trang	3919	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1341	391935	Hoàng Anh Tú	3919	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1342	391936	Phạm Thị Tâm	3919	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1343	391937	Hoàng Thị Linh	3919	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1344	391938	Trần Thị Mai	3919	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1345	391939	Nguyễn Thị Lâm Oanh	3919	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1346	391940	Nguyễn Thị Hồng Huế	3919	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1347	391941	Hồ Thị Thu Uyên	3919	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1348	391942	Hồ Thị Bảo Ngọc	3919	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1349	391943	Hoàng Anh	3919	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1350	391944	Nguyễn Thị Minh Phụng	3919	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1351	391945	Lã Thị Tâm	3919	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1352	391946	Nguyễn Thu Hương	3919	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1353	391947	Nguyễn Thị Phương Thanh	3919	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1354	391948	Vũ Hải Phong	3919	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1355	391949	Phạm Thị Trà Giang	3919	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1356	391950	Lê Thị Mỹ Huyền	3919	BT	14	0	6	2,240,000	0	960,000	3,200,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1357	391951	Hoàng Hồng	Diệp	3919	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1358	391952	Phùng Thị Kiều	Oanh	3919	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1359	391953	Đinh Đức	Công	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1360	391954	Giang Thuỳ	Dung	3919	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1361	391955	Lê Thị Ngọc	Lan	3919	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1362	391956	Nguyễn Thị	Nhung	3919	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1363	391957	Nguyễn Thị	Duyên	3919	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
1364	391958	Nguyễn Thị Thu	Hiền	3919	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
1365	391959	Đỗ Hồng	Trang	3919	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
1366	391960	Vũ Thị Hồng	Nhung	3919	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1367	391961	Đặng Thị	Mỹ	3919	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1368	391962	Phạm Thị	ánh	3919	BT	14	0	4	2,240,000	0	640,000	2,880,000
1369	391963	Nguyễn Việt	Hung	3919	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1370	391964	Lê Khánh	Huyền	3919	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1371	391965	Nguyễn Thị	Hạnh	3919	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1372	391966	Nguyễn Thị Thu	Hương	3919	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1373	391967	Nguyễn Thị Phương	Hoa	3919	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1374	391968	Phạm Thị Thanh	Nhàn	3919	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1375	391969	Nguyễn Thị Bảo	Yến	3919	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1376	391970	Phạm Thị	Hòa	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1377	391971	Nguyễn Hồng	Thơm	3919	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1378	391972	Lê Bích	Ngà	3919	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1379	391973	Phan Thu	Hà	3919	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1380	391974	Trịnh Trí	Đức	3919	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1381	391975	Nguyễn Thu	Thảo	3919	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1382	392002	Vũ Thuỳ	Linh	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1383	392003	Lương Hoàng	Yến	3920	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1384	392004	Nguyễn Thị	Yên	3920	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1385	392005	Nông Thị Hồng	Duyên	3920	MHP	20	0	0	0	0	0	0
1386	392006	Lê Thu	Vượng	3920	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1387	392007	Phạm Thị	Huệ	3920	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1388	392008	Vương Thị	Thúy	3920	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1389	392009	Bùi Thị	Thu	3920	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1390	392010	Vi Thị Hải	Yến	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1391	392011	Nguyễn Hoàng Phương	Anh	3920	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1392	392013	Trần Linh	Trang	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1393	392014	Bàn Trung	Kiên	3920	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1394	392015	Hà Thanh	Hằng	3920	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1395	392016	Nguyễn Thanh	Thảo	3920	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1396	392017	Lê Phương	Hoa	3920	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1397	392018	Đỗ Phương	Thúy	3920	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1398	392019	Lưu Thùy	Trang	3920	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1399	392020	Đặng Thị Lan	Hương	3920	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1400	392021	Vũ Tố	Uyên	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1401	392022	Đặng Thùy	Anh	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1402	392023	Nguyễn Thị Chúc	Linh	3920	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1403	392024	Vũ Như	Quỳnh	3920	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1404	392025	Nguyễn Thị Huyền	Trang	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1405	392026	Đinh Thị Mai	Anh	3920	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1406	392027	Nguyễn Thị	Hương	3920	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
1407	392028	Lê Thị Thuý	Linh	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1408	392029	Lê Thị	Trang	3920	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1409	392030	Trần Thị	Ngát	3920	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1410	392031	Nguyễn Hoài	Nam	3920	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1411	392032	Hoàng Thị	Nhung	3920	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1412	392033	Phùng Thị	Thoan	3920	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1413	392034	Hạ Thị	Hà	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1414	392035	Vũ Đăng	Khoa	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1415	392037	Lê Thị	Hương	3920	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1416	392038	Phạm Thị	Quyên	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1417	392039	Trần ánh	Tuyết	3920	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1418	392040	Mai Thùy	Linh	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1419	392041	Đỗ Tuấn	Linh	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1420	392043	Lại Phương	Uyên	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1421	392044	Nguyễn Phương	Thủy	3920	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1422	392045	Nguyễn Kiều	Trinh	3920	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1423	392046	Vương Thị Hồng	Hạnh	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1424	392047	Bùi Thị	Dương	3920	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1425	392048	Đới Thị	Thom	3920	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1426	392049	Lê Thị	ánh	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1427	392050	Trần Thị	Mai	3920	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1428	392051	Nguyễn Thị	Loan	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1429	392052	Đặng Thị	Quý	3920	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1430	392053	Nguyễn Thị	Hòa	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1431	392054	Nguyễn Thị	Nhung	3920	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1432	392055	Cao Thị	Hằng	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1433	392056	Dương Thị Tường	Vi	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1434	392057	Phạm Thị	Hoàn	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1435	392058	Lương Thị Hải	Yến	3920	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1436	392059	Trần Việt Tiệp	Anh	3920	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1437	392060	Nguyễn Thị	Phượng	3920	BT	12	5	0	1,920,000	800,000	0	2,720,000
1438	392061	Nguyễn Thị Hương	Ninh	3920	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1439	392062	Nguyễn Phương	Thảo	3920	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1440	392063	Dương Thị Trà	My	3920	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1441	392064	Nguyễn Mạnh	Cường	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1442	392065	Trần Thị Thu	Hương	3920	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1443	392066	Bùi Thị Thanh	Huyền	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1444	392067	Đỗ Nhật	ánh	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1445	392068	Trần Phương	Thảo	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1446	392069	Tạ Thị	Bình	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1447	392070	Hoàng Thị Thu	Huệ	3920	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1448	392071	Nguyễn Thị	Huyền	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1449	392072	Phạm Khánh	Ly	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1450	392073	Trịnh Thùy	Dương	3920	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1451	392075	Vũ Ngọc	Quang	3920	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1452	392076	Nguyễn Quỳnh	Anh	3920	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1453	392101	Triệu Hải	Yến	3921	BT	18	0	4	2,880,000	0	640,000	3,520,000
1454	392102	Hoàng Thị	Lan	3921	MHP	15	0	5	0	0	800,000	800,000
1455	392103	Hà Việt	Hằng	3921	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
1456	392104	Nguyễn Thái	Hoà	3921	BT	20	5	0	3,200,000	800,000	0	4,000,000
1457	392105	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	3921	BT	18	0	5	2,880,000	0	800,000	3,680,000
1458	392106	Đỗ Chí	Minh	3921	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1459	392107	Trần Thị Bảo	Chăm	3921	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1460	392108	Tào Quốc	Huy	3921	BT	17	5	0	2,720,000	800,000	0	3,520,000
1461	392109	Lâu Thị Phong	Lan	3921	MHP	17	0	0	0	0	0	0
1462	392110	Hoàng Thị Ngọc	Linh	3921	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1463	392111	Nguyễn Thị	Nga	3921	BT	18	0	9	2,880,000	0	1,440,000	4,320,000
1464	392112	Trần Thị Mỹ	Duyên	3921	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1465	392113	Hoàng Phương	Mai	3921	BT	18	9	0	2,880,000	1,440,000	0	4,320,000
1466	392114	Nguyễn Thị Hoài	Thương	3921	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1467	392115	Đồng Thị Hà	My	3921	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1468	392116	Đỗ Thị Thu	Thủy	3921	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1469	392117	Nguyễn Duy	Thắng	3921	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1470	392119	Tạ Thị	Tuyết	3921	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1471	392120	Hoàng Thị	Quỳnh	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1472	392121	Phạm Thị	Hạnh	3921	BT	18	5	0	2,880,000	800,000	0	3,680,000
1473	392122	Ngô Thị	Huệ	3921	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1474	392123	Lã Ngọc	Nam	3921	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1475	392124	Phạm Thị Vân	Anh	3921	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1476	392125	Nguyễn Thị Thu	Trang	3921	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1477	392126	Nguyễn Thị Linh	Mai	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1478	392127	Lê Thị	Hường	3921	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1479	392128	Nguyễn Thị	Xuân	3921	BT	14	4	0	2,240,000	640,000	0	2,880,000
1480	392129	Nguyễn Mạnh	Hùng	3921	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1481	392130	Phạm Thị	Hường	3921	BT	14	4	0	2,240,000	640,000	0	2,880,000
1482	392131	Đinh Xuân	Nhật	3921	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1483	392132	Trần Phương	Hà	3921	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1484	392133	Hoàng Thị Thu	Hà	3921	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1485	392134	Vi Hồng	Thom	3921	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1486	392135	Vi Thu	Thảo	3921	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1487	392136	Nông Thị	Quỳnh	3921	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1488	392137	Hoàng Thị Thu	Trang	3921	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1489	392138	Hà Thị Mỹ	Hạnh	3921	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
1490	392139	Nguyễn Thị	Trang	3921	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1491	392140	Đinh Quỳnh	Anh	3921	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1492	392141	Trần Nhân	Đức	3921	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1493	392142	Hoàng Huyền	Trang	3921	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1494	392143	Bùi Minh	Hằng	3921	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1495	392144	Lê Thị	Ngân	3921	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1496	392145	Trần Quang	Huy	3921	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
1497	392146	Tổng Thị	Thảo	3921	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1498	392147	Nguyễn Hương	Lan	3921	MHP	17	0	0	0	0	0	0
1499	392148	Lê Thị Mai	Lê	3921	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1500	392149	Mai Ngọc	Huyền	3921	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
1501	392150	Lê Xuân Việt	Anh	CLC39B	CLC39	18	5	0	14,040,000	3,900,000	0	17,940,000
1502	392151	Trịnh Hải	Ngân	3921	BT	15	0	5	2,400,000	0	800,000	3,200,000
1503	392152	Bùi Thị Thảo	My	3921	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1504	392153	Dương Thị	Hạnh	3921	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1505	392154	Phùng Thị	Mai	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1506	392155	Nguyễn Thảo	Ly	3921	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1507	392156	Hoàng Việt	Thắng	3921	BT	14	6	0	2,240,000	960,000	0	3,200,000
1508	392157	Phạm Minh	Thúy	3921	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1509	392158	Trịnh Vân	Anh	3921	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
1510	392159	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	3921	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1511	392160	Nguyễn Tiến	Đạt	3921	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1512	392162	Ngô Dương Huệ	Anh	3921	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
1513	392163	Hoàng Linh	Phương	3921	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1514	392164	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	3921	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1515	392165	Nguyễn Phương	Thảo	3921	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1516	392166	Đỗ Thu	Hà	3921	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1517	392167	Phan Thu	Trang	3921	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1518	392168	Quảng Văn	Minh	3921	CT	18	0	0	0	0	0	0
1519	392169	Bùi Trung	Đức	3921	CT	16	5	0	0	800,000	0	800,000
1520	392170	Vũ Ngọc	ánh	3921	YCXH	17	0	0	6,120,000	0	0	6,120,000
1521	392171	Dương Hồng	Dương	3921	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1522	392172	Nguyễn Thị	Huyền	3921	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1523	392201	Đào Thị Thúy	Hằng	3922	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1524	392202	Pờ Thị	Kiều	3922	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1525	392203	Lương Thị Ngọc	Anh	3922	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1526	392204	Đinh Thu	Hà	CLC39B	CLC39	16	4	0	12,480,000	3,120,000	0	15,600,000
1527	392205	Trương Mỹ	Duyên	3922	MHP	18	0	0	0	0	0	0
1528	392206	Nguyễn Thị Bích	Phương	3922	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1529	392207	Dương Thị	Đức	3922	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1530	392208	Lê Thị	Hiền	3922	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1531	392209	Hoàng Thị	Mai	3922	MHP	14	0	0	0	0	0	0
1532	392210	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	3922	MHP	17	0	0	0	0	0	0
1533	392211	Duy Thị Thanh	Niềm	3922	BT	19	0	5	3,040,000	0	800,000	3,840,000
1534	392212	Sông Thị	Ca	3922	MHP	19	0	0	0	0	0	0
1535	392213	Tổng Khánh	Linh	3922	BT	15	0	5	2,400,000	0	800,000	3,200,000
1536	392214	Lương Thu	Trang	3922	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1537	392215	Quách Thị	Dung	3922	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1538	392216	Lê Thị	Giang	3922	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1539	392217	Đầu Như	Nguyệt	3922	BT	18	0	5	2,880,000	0	800,000	3,680,000
1540	392218	Lò Thị	Quý	3922	MHP	19	0	0	0	0	0	0
1541	392219	Hà Thị Kim	Tuyền	3922	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1542	392220	Thân Thị	Nhung	3922	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1543	392221	Hà Thị	Thảo	3922	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1544	392222	Bùi Phú	Hung	3922	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1545	392223	Nguyễn Thành	Nghiệp	3922	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1546	392224	Nguyễn Thu	Trang	3922	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1547	392225	Phạm Thị	Quỳnh	3922	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1548	392226	Nguyễn Thị Bích	Loan	3922	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1549	392227	Trần Lưu Phương	Thảo	3922	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1550	392228	Lê Thị	Hương	3922	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1551	392229	Ngô Hương	Giang	3922	BT	20	0	0	3,200,000	0	0	3,200,000
1552	392230	Hà Vi	Loan	3922	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1553	392231	Lê Thị Mai	Linh	3922	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1554	392232	Lò Thị	Biển	3922	MHP	18	0	0	0	0	0	0
1555	392233	Phạm Thị	ánh	3922	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1556	392234	Chu Bích	Thùy	3922	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1557	392235	Nông Hồng	Nhung	3922	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1558	392236	Đào Xuân	Tú	3922	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1559	392237	Nông Thị Thanh	Hoa	3922	BT	18	0	5	2,880,000	0	800,000	3,680,000
1560	392238	Nguyễn Công	Giang	3922	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
1561	392239	Trần Thị	Ngân	3922	MHP	14	0	0	0	0	0	0
1562	392240	Nguyễn Thị Hoàng	Lâm	3922	BT	14	5	0	2,240,000	800,000	0	3,040,000
1563	392241	Nguyễn Thị Ngân	Giang	3922	MHP	17	0	0	0	0	0	0
1564	392242	Đinh Minh	Thu	3922	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1565	392243	Phạm Nguyệt	Hằng	3922	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1566	392244	Vũ Thị	Thảo	3922	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1567	392245	Phạm Thị Thảo	Linh	CLC39B	CLC39	16	4	0	12,480,000	3,120,000	0	15,600,000
1568	392246	Lê Hồng	Thái	3922	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1569	392247	Phú Thị Hoa	Phượng	3922	BT	19	0	0	3,040,000	0	0	3,040,000
1570	392248	Lưu Khánh	Linh	3922	BT	14	0	0	2,240,000	0	0	2,240,000
1571	392249	Hoàng Thị	Thom	3922	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1572	392250	Lê Thị	Hiền	3922	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1573	392251	Nguyễn Hoàng	Anh	3922	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
1574	392252	Nguyễn Thị Tỏ	Thanh	3922	BT	18	0	5	2,880,000	0	800,000	3,680,000
1575	392253	Trần Minh	Trang	3922	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1576	392254	Đỗ Thị	Hương	3922	BT	14	0	5	2,240,000	0	800,000	3,040,000
1577	392255	Vũ Thị	Phương	3922	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1578	392256	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	3922	BT	15	0	4	2,400,000	0	640,000	3,040,000
1579	392257	Vũ Thu	Trang	3922	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1580	392258	Phạm Công Khánh	Linh	CLC39B	CLC39	16	5	0	12,480,000	3,900,000	0	16,380,000
1581	392259	Bùi Thị Như	Quỳnh	3922	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1582	392260	Nguyễn Đức	Trung	3922	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1583	392261	Trần Hương	Giang	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1584	392262	Trần Thị Hương	Giang	3922	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1585	392263	Vũ Thúy	Mai	3922	BT	16	0	5	2,560,000	0	800,000	3,360,000
1586	392264	Vũ Thị Ngọc	Anh	3922	BT	16	0	5	2,560,000	0	800,000	3,360,000
1587	392265	Đỗ Trà	My	3922	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1588	392266	Nguyễn Đỗ Ngọc	Anh	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1589	392267	Cao Bích	Hội	3922	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
1590	392268	Hán Kỳ	Duyên	3922	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1591	392269	Tao Văn	Nội	3922	CT	18	0	0	0	0	0	0
1592	392270	Tô Minh	Huyền	3922	YCXH	16	0	5	5,760,000	0	1,800,000	7,560,000
1593	392271	Trần Thị Hải	Yến	3922	MHP	14	0	5	0	0	800,000	800,000
1594	392272	Lý Văn	Bình	3922	CT	16	0	0	0	0	0	0
1595	392301	Sin Thị	Nguyễn	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1596	392302	Hồ Thanh	Hoài	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1597	392303	Triệu Thị	Huyền	3923	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1598	392304	Lê Thị Vân	Anh	3923	MHP	15	0	0	0	0	0	0
1599	392305	Lê Thị Thuỳ	Dung	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1600	392306	Nguyễn Diệu	Hà	3923	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1601	392307	Đỗ Thị ánh	Tuyết	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1602	392308	Nguyễn Phương	Thảo	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1603	392309	Nguyễn Kim	Huệ	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1604	392310	Dương Thị Thúy	Quyên	3923	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1605	392311	Giáp Khánh	Huyền	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1606	392312	Lê Thị Thanh	Tùng	3923	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1607	392313	Nguyễn Linh	Chi	3923	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1608	392314	Trà Nhật	Linh	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1609	392315	Phạm Thị Việt	Hương	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1610	392316	Chu Thị	Thư	3923	BT	16	1	0	2,560,000	160,000	0	2,720,000
1611	392317	Phan Thị Huệ	Quỳnh	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1612	392318	Nguyễn Thị Vân	Nga	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1613	392319	Nguyễn Kiều	Trang	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1614	392320	Thiều Thị	Hường	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1615	392321	Dương Minh	Châu	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1616	392322	Hoàng Thị Huyền	Trang	3923	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1617	392323	Nguyễn Xuân	Trường	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1618	392324	Trần Khánh	Linh	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1619	392325	Nguyễn Thị	Trang	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1620	392326	Đoàn Thị Phương	Thảo	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1621	392328	Nguyễn Thị Vân	Oanh	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1622	392329	Lê Quỳnh	Nga	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1623	392330	Phạm Thị Anh	Đào	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1624	392331	Phạm Thị	Mơ	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1625	392332	Trịnh Nguyệt	Minh	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1626	392333	Nguyễn Thị Ngọc	Thành	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1627	392334	Trương Khánh	Linh	3923	MHP	12	0	0	0	0	0	0
1628	392335	Đinh Ngọc Thu	Hà	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1629	392336	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1630	392337	Nguyễn Thị Hương	Giang	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1631	392338	Bùi Thị Thùy	Linh	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1632	392339	Nguyễn Thị	Thắm	3923	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1633	392340	Lưu Tiến	Mạnh	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1634	392341	Đinh Thị Huyền	Trang	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1635	392342	Phạm Thị Lâm	Anh	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1636	392343	Đào Thị Bích	Ngọc	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1637	392345	Ngô Khánh	Hoà	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1638	392346	Phạm Thu	Hường	3923	BT	16	1	0	2,560,000	160,000	0	2,720,000
1639	392347	Lê Xuân	Quang	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1640	392348	Nguyễn Thị Vân	Anh	3923	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1641	392349	Phạm Thị	Phương	3923	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1642	392350	Lã Hà	Linh	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1643	392351	Phan Linh	Chi	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1644	392352	Hồ Thị Hồng	Quý	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1645	392353	Bùi Thị	Thu	3923	BT	16	1	0	2,560,000	160,000	0	2,720,000
1646	392354	Đinh Thị Ngọc	Anh	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1647	392355	Nguyễn Thị Vi	Bình	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1648	392356	Phan Thị Bảo	Anh	3923	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1649	392357	Phạm Thị Thu	Hiền	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1650	392358	Nguyễn Thị	Tâm	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1651	392359	Lê Thị Hà	My	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1652	392360	Lê Anh	Đức	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1653	392361	Trần Nhật	Hạ	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1654	392362	Nguyễn Huy	Tú	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1655	392363	Hồ Thanh	Thủy	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1656	392364	Cao Mỹ	Huyền	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1657	392365	Vũ Mạnh	Dũng	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1658	392366	Nguyễn Ngọc	Mai	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1659	392367	Hoàng Lan	Hương	3923	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1660	392368	Phạm Thị Ngọc	ánh	3923	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1661	392369	Nguyễn Thị Hương	Giang	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1662	392370	Phạm Ngọc	ánh	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1663	392371	Nguyễn Sơn Việt	Anh	3923	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1664	392372	Nguyễn Đức	Thuận	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1665	392373	Phạm Thị Hồng	Ngoan	3923	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1666	392401	Đào Hồng	Quân	3924	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1667	392402	Nguyễn Đà	Giang	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1668	392403	Trần Thị Tôn	Lữ	3924	MHP	15	0	0	0	0	0	0
1669	392404	Nguyễn Thị	Quyên	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1670	392405	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1671	392406	Quách Công	Luân	3924	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1672	392407	Lộc Thị	Lén	3924	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1673	392408	Hoàng Anh	Thơ	3924	BT	12	5	0	1,920,000	800,000	0	2,720,000
1674	392409	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	3924	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1675	392410	Hoàng Vũ Anh	Thư	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1676	392411	Đào Thị	Nguyên	3924	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1677	392412	Bùi Thị	Lan	3924	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1678	392413	Nguyễn Thị	Dương	3924	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1679	392414	Vũ Kiều	Chinh	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1680	392415	Dương Diệu Huyền	My	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1681	392416	Phan Thị Thu	Huệ	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1682	392417	Lê Thị Mộng	Hằng	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1683	392418	Lê Thị Bích	Thúy	3924	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1684	392419	Từ Việt	Cường	3924	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1685	392420	Nguyễn Quỳnh	Mai	3924	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1686	392421	Phạm Thị Thanh	Hằng	3924	BT	12	1	0	1,920,000	160,000	0	2,080,000
1687	392422	Nguyễn Thị Minh	Tâm	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1688	392423	Đỗ Thị Bích	Ngọc	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1689	392424	Nguyễn Thuý	Quỳnh	3924	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1690	392425	Đỗ Thị	Nga	3924	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1691	392426	Nguyễn Ngọc	Tân	3924	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1692	392427	Mai Đắc	Nghị	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1693	392428	Bùi Thị Minh	Phương	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1694	392429	Trần Thị	Quyên	3924	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1695	392430	Ngô Thị Kiều	Oanh	3924	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1696	392431	Lê Thị	Oanh	3924	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1697	392432	Nguyễn Thị	Diệp	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1698	392433	Phạm Thị	Thuý	3924	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1699	392434	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1700	392435	Trịnh Thị	Bông	3924	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1701	392436	Dương Thị Minh	Tân	3924	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1702	392437	Lý Ngọc	Mai	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1703	392438	Nguyễn Thị Thu	Trang	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1704	392439	Nguyễn Thị Thuý	Linh	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1705	392440	Phùng Thị	Nga	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1706	392441	Nguyễn Thị	Nhung	3924	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1707	392442	Nguyễn Minh	Phương	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1708	392443	Nguyễn Thị	Phương	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1709	392444	Nguyễn Thị	Hải	3924	BT	12	5	0	1,920,000	800,000	0	2,720,000
1710	392445	Bùi Thị Lan	Hương	3924	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1711	392446	Lê Thị Ngọc	Hà	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1712	392447	Nguyễn Mỹ	Linh	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1713	392448	Tô Thị Phương	Liên	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1714	392449	Phạm Huy	Thuyết	3924	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1715	392450	Nguyễn Thu	Hương	3924	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1716	392451	Vũ Thị Thùy	Trang	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1717	392452	Đặng Thị Minh	Ngọc	3924	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1718	392453	Nguyễn Thành	Trung	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1719	392454	Lê Thị	Thoa	3924	CLC39	12	0	0	9,360,000	0	0	9,360,000
1720	392455	Trần Thị Diệu	Linh	3924	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1721	392456	Văn Thị Tố	Uyên	3924	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1722	392457	Đỗ Thị	Hiền	3924	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1723	392458	Nguyễn Thanh	Tâm	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1724	392459	Phạm Thuý	Hà	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1725	392460	Nguyễn Thị Khánh	Linh	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1726	392461	Phạm Thị Quỳnh	Anh	3924	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1727	392462	Dương Thị ánh	Hồng	3924	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1728	392463	Nguyễn Thị Việt	Trinh	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1729	392464	Nguyễn Thị	Thu	3924	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1730	392465	Lê Thị Đàm	Dung	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1731	392466	Trần Thị Bích	An	3924	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1732	392467	Doãn Thị Tú	Oanh	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1733	392468	Đặng Thị	Lan	3924	BT	12	5	0	1,920,000	800,000	0	2,720,000
1734	392469	Nguyễn Thị Phương	Hoa	3924	GHP	15	0	0	1,200,000	0	0	1,200,000
1735	392470	Vũ Thị Kim	Oanh	3924	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1736	392471	Nguyễn Chí	Trung	3924	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1737	392472	Phạm Thị Vân	Anh	3924	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1738	392501	Vi Thị	Hằng	3925	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1739	392502	Trương Minh	Phương	3925	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1740	392503	Hoàng Thị Thu	Hà	3925	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1741	392504	Hoàng Thị	Yến	3925	MHP	15	0	0	0	0	0	0
1742	392505	Bùi Thị Bích	Phương	3925	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1743	392506	Phạm Văn	Khương	3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1744	392507	Hoàng Thị	Thủy	3925	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1745	392508	Đỗ Thị Tường	Vy	3925	BT	0	0	0	0	0	0	0
1746	392509	Nguyễn Huy	Hoàng	3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1747	392510	Phạm Thị	Thủy	3925	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1748	392511	Nông Huyền	Chang	3925	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1749	392512	Nguyễn Thu	Trang	3925	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1750	392513	Bùi Thị Hiền	Lương	3925	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1751	392514	Nguyễn Thị	Thư	3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1752	392515	Nguyễn Thị Thanh	Phương	3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1753	392516	Dương Hồng	Hạnh	3925	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1754	392517	Hoàng Anh	Thông	3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1755	392518	Nguyễn Văn	Phương	3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1756	392519	Trần Thị Phương	Linh	3925	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1757	392520	Nguyễn Thị Công		3925	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1758	392521	Mạc Thuỳ Dương		3925	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1759	392522	Nguyễn Thị Thảo		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1760	392523	Bùi Thị Thu Thảo		3925	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1761	392524	Lê Thị Mai Hương		3925	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1762	392525	Phan Thị Thanh Thảo		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1763	392526	Tạ Thị Dung		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1764	392527	Phạm Thị Như Trang		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1765	392528	Ngô Thị Xuân		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1766	392529	Nguyễn Lan Phương		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1767	392530	Phạm Thị Trinh		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1768	392531	Đoàn Khánh Ly		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1769	392532	Nguyễn Quỳnh Châu		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1770	392533	Nguyễn Hoàng Linh Dung		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1771	392534	Trần Thị Hải Lê		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1772	392535	Đặng Thị Huyền My		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1773	392536	Trịnh Thu Hiền		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1774	392537	Giáp Thị Thảo Anh		3925	BT	16	5	0	2,560,000	800,000	0	3,360,000
1775	392538	Nguyễn Hương Lan		3925	MHP	12	0	5	0	0	800,000	800,000
1776	392539	Trần Thị Thanh Nga		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1777	392541	Nguyễn Anh Tú		3925	BT	12	5	0	1,920,000	800,000	0	2,720,000
1778	392542	Vũ Thị Minh Thu		3925	MHP	12	5	0	0	800,000	0	800,000
1779	392543	Nguyễn Tuấn Anh		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1780	392544	Trần Thị Ngọc Linh		3925	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1781	392545	Nguyễn Thị ánh Tuyết		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1782	392546	Nguyễn Thị Thu Hương		3925	BT	12	0	5	1,920,000	0	800,000	2,720,000
1783	392547	Lê Thủy Tiên		3925	MHP	12	0	0	0	0	0	0
1784	392548	Ong Thị Quyên		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1785	392549	Trần Thị Ngọc ánh		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1786	392550	Nguyễn Khánh Linh		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1787	392551	Lương Mỹ Linh		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1788	392552	Đặng Thúy Hằng		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1789	392553	Lương Lê Minh	CLC39B	CLC39		18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1790	392554	Vũ Lan Phương		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1791	392555	Nguyễn Thị Thu Thảo		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1792	392556	Phạm Phương Thảo	CLC39B	CLC39		18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1793	392557	Nguyễn Bích Ngọc		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1794	392558	Trần Thanh Hiền		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1795	392559	Phạm Hoàng ý Nhi	CLC39B	CLC39		18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1796	392560	Đỗ Phương Mai		3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1797	392561	Nguyễn Hoàng	Anh	3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1798	392562	Ngô Thu	Uyên	3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1799	392563	Đỗ Nữ Hà	Phương	3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1800	392564	Lưu Hà Thu	Hương	3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1801	392565	Đỗ Thanh	Phương	3925	BT	12	5	0	1,920,000	800,000	0	2,720,000
1802	392566	Hoàng Thị Hà	Trang	3925	YCXH	16	5	0	5,760,000	1,800,000	0	7,560,000
1803	392567	Trần Thanh	Trà	3925	YCXH	16	5	0	5,760,000	1,800,000	0	7,560,000
1804	392568	Chu Phương	Thảo	3925	YCXH	12	1	0	4,320,000	360,000	0	4,680,000
1805	392569	Nguyễn Thị Thùy	Linh	3925	YCXH	16	0	0	5,760,000	0	0	5,760,000
1806	392570	Lý Thu	Thảo	3925	YCXH	12	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
1807	392571	Đỗ Huyền	My	3925	YCXH	12	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
1808	392572	Hoàng Bảo	Ngọc	3925	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1809	392602	Nguyễn Huyền	Trang	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1810	392603	Hà Thị	Diễm	3926	BT	12	2	0	1,920,000	320,000	0	2,240,000
1811	392604	Đào Văn	Lương	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1812	392605	Nguyễn Nam	Phương	3926	BT	12	5	0	1,920,000	800,000	0	2,720,000
1813	392606	Lê Thị Thanh	Hoa	3926	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1814	392607	Văn Đình	Thông	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1815	392608	Nguyễn Thị	An	3926	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1816	392609	Ngô Thị	Hiền	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1817	392610	Hoàng Thị Thu	An	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1818	392611	Nguyễn Thị Ngọc	Ly	3926	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1819	392612	Vì Thị	Phượng	3926	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1820	392613	Nguyễn Thị	Hòa	3926	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1821	392614	Trần Thị	Hoa	3926	BT	12	5	0	1,920,000	800,000	0	2,720,000
1822	392615	Nguyễn Thị Phương	Nhung	3926	BT	12	5	0	1,920,000	800,000	0	2,720,000
1823	392616	Hoàng Vũ	Lê	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1824	392617	Trần Khánh	Linh	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1825	392618	Nguyễn Thị Phương	Thúy	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1826	392619	Nguyễn Quỳnh	Trang	3926	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1827	392620	Lê Thị Kiều	Loan	3926	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1828	392621	Đinh Bích	Thảo	3926	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1829	392622	Đỗ Thị Ngọc	Chinh	3926	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1830	392623	Hoàng Thị Thùy	Linh	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1831	392624	Trần Thị	Hồng	3926	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1832	392625	Hoàng Thu	Thảo	3926	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1833	392626	Nguyễn Thị	Thảo	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1834	392627	Vũ Thu	Dung	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1835	392628	Phạm Đức	Quang	3926	MHP	12	1	0	0	160,000	0	160,000
1836	392629	Đỗ Thị	Phượng	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1837	392630	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1838	392632	Nguyễn Thị	Hảo	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1839	392633	Cao Thị Lan	Phương	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1840	392634	Dương Thảo	Nguyên	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1841	392635	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1842	392636	Lê Thị Thanh	Phương	3926	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1843	392637	Cao Văn	Tú	3926	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1844	392638	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	3926	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1845	392639	Vũ Thị	Trang	3926	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1846	392640	Nguyễn Ngọc	Bích	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1847	392641	Vũ Thị Thu	Huyền	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1848	392642	Hồ Thị Lê	Dung	3926	MHP	15	0	0	0	0	0	0
1849	392643	Ngô Thị	Hạnh	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1850	392644	Hoàng Ngọc	ánh	3926	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1851	392645	Chu Thị Quỳnh	Anh	3926	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1852	392646	Chu Thị Ngọc	Anh	3926	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1853	392647	Nguyễn Mạnh	Cường	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1854	392648	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1855	392649	Trần Thị Lâm	Oanh	3926	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1856	392650	Lê Phương	Thảo	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1857	392651	Nguyễn Thị	Phượng	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1858	392652	Nguyễn Thị Phương	Anh	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1859	392653	Võ Phương	Đông	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1860	392654	Hồ Hà	Nhi	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1861	392655	Trần Mỹ	Giang	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1862	392656	Lê Thị	Hằng	3926	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1863	392657	Vũ Ngọc Thanh	Hoa	3926	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1864	392658	Nguyễn Hoàng	Hương	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1865	392659	Trần Quang	Khải	3926	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1866	392660	Đào Thảo	Hiền	3926	MHP	16	0	0	0	0	0	0
1867	392661	Nguyễn Huy	Khánh	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1868	392662	Vũ Hà	My	3926	BT	12	5	0	1,920,000	800,000	0	2,720,000
1869	392663	Nguyễn Thành	Công	3926	BT	16	1	0	2,560,000	160,000	0	2,720,000
1870	392664	Nguyễn Quốc	Khánh	3926	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1871	392665	Hoàng Bích	Ngọc	3926	YCXH	16	0	0	5,760,000	0	0	5,760,000
1872	392666	Hoàng Minh	Mẫn	3926	YCXH	16	0	0	5,760,000	0	0	5,760,000
1873	392667	Nguyễn Vũ	Điệp	3926	YCXH	16	0	0	5,760,000	0	0	5,760,000
1874	392668	Phạm Thị Minh	Hoa	3926	YCXH	16	0	0	5,760,000	0	0	5,760,000
1875	392669	Nguyễn Lê	Quỳnh	3926	YCXH	12	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
1876	392670	Hà Thị Hạnh	Nguyên	3926	YCXH	16	0	0	5,760,000	0	0	5,760,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1877	392701	Lã Thị Ngọc	Bích	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1878	392702	Vàng A	Tú	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1879	392703	Hà Thị Như	Lý	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1880	392704	Nguyễn Văn	Thiệu	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1881	392705	Lường Văn	Đức	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1882	392706	Bùi Thanh	Hà	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1883	392707	Trần Hải	Ngân	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1884	392708	Mã Thị	Ngọc	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1885	392709	Hoàng Ngọc	ánh	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1886	392710	Phan Đình	Hoàn	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1887	392711	Vương Thúy	Hà	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1888	392712	Lý Hoàng	Quý	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1889	392713	Hà Thu	Hường	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1890	392714	Triệu Mùi	Sao	3927	BT	15	0	4	2,400,000	0	640,000	3,040,000
1891	392715	Ngân Văn	Cường	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1892	392716	Đinh Quỳnh	Trang	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1893	392717	Bùi Thị	Khoa	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1894	392718	Dương Khánh	Linh	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1895	392719	Đào Thu	Hằng	3927	BT	15	0	5	2,400,000	0	800,000	3,200,000
1896	392720	Hồ Thị	Phượng	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1897	392721	Hoàng Thị	Hội	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1898	392722	Phạm Trần	Phan	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1899	392723	Trần Thị Ngọc	Anh	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1900	392724	Lê Thị	Thùy	3927	BT	15	4	0	2,400,000	640,000	0	3,040,000
1901	392725	Hoàng Thị	Thủy	3927	BT	12	9	0	1,920,000	1,440,000	0	3,360,000
1902	392726	Trần Thị Hằng	Nga	3927	BT	12	0	4	1,920,000	0	640,000	2,560,000
1903	392727	Đoàn Thị ánh	Hồng	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1904	392728	Nguyễn Thị	Mỹ	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1905	392729	Trần Thị Thu	Hường	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1906	392730	Đặng Thị	Thịnh	3927	BT	0	0	0	0	0	0	0
1907	392731	Đào Phạm Việt	Mỹ	3927	BT	15	4	0	2,400,000	640,000	0	3,040,000
1908	392732	Nguyễn Thị Thùy	Linh	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1909	392733	Dương Thùy	Linh	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1910	392734	Trần Thanh	Thủy	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1911	392735	Phạm Thị	Thu	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1912	392736	Nguyễn Thị Kim	Oanh	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1913	392737	Mạc Thị Hà	Linh	3927	GHP	15	0	0	1,200,000	0	0	1,200,000
1914	392738	Hà Ngọc	Giang	3927	BT	12	4	0	1,920,000	640,000	0	2,560,000
1915	392739	Trần Phương	Thúy	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1916	392740	Nguyễn Thị Khánh	Ly	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1917	392741	Hoàng Thị	Huong	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1918	392742	Nhữ Lê Thùy	Linh	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1919	392743	Đỗ Thị	Hạnh	3927	BT	0	0	0	0	0	0	0
1920	392744	Trương Ngọc	Hoa	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1921	392746	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1922	392747	Vương Thị Ngọc	Diệp	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1923	392748	Nguyễn Thị Hoài	Thương	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1924	392749	Phan Thị	Huyền	3927	BT	15	0	4	2,400,000	0	640,000	3,040,000
1925	392750	Đỗ Thị Phương	Thảo	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1926	392751	Đào Ngân	Hà	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1927	392752	Phùng Thị Mỹ	Loan	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1928	392753	Nguyễn Thị	Huế	3927	BT	12	0	4	1,920,000	0	640,000	2,560,000
1929	392754	Trịnh Thị	Hường	3927	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1930	392755	Phạm Thị Thúy	Hằng	3927	MHP	12	0	0	0	0	0	0
1931	392756	Đỗ Trần	Thành	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1932	392757	Nguyễn Thùy	Trang	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1933	392758	Lương Thị Thuỳ	Trang	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1934	392759	Phạm Hồng	Phát	3927	MHP	12	0	0	0	0	0	0
1935	392760	Khuất Linh	Trang	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1936	392761	Đình Quang	Toàn	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1937	392762	Mai Kim	Ngân	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1938	392763	Ngô Thanh	Giang	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1939	392764	Nguyễn Lan	Nhi	3927	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1940	392765	Phạm Hùng	Cường	3927	YCXH	12	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
1941	392766	Vũ Huệ	Anh	3927	YCXH	15	0	0	5,400,000	0	0	5,400,000
1942	392767	Phạm Thị	Hằng	3927	YCXH	15	0	0	5,400,000	0	0	5,400,000
1943	392768	Vũ Thùy	Linh	3927	YCXH	12	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
1944	392769	Phạm Thị Thu	Trang	3927	YCXH	12	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
1945	392770	Lê Thị Hải	Yến	3927	YCXH	12	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
1946	392801	Phạm Bá Ngọc	Hoàng	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1947	392802	Nguyễn Thị	Yến	3928	BT	15	0	4	2,400,000	0	640,000	3,040,000
1948	392803	Lê Thị Hồng	Nhung	3928	BT	15	0	4	2,400,000	0	640,000	3,040,000
1949	392804	Nguyễn Thủy	Tiên	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1950	392805	Lê Anh	Chuyên	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1951	392806	Nguyễn Thu	Thảo	3928	BT	15	0	4	2,400,000	0	640,000	3,040,000
1952	392807	Chu Thị	Phong	3928	BT	15	0	4	2,400,000	0	640,000	3,040,000
1953	392808	Triệu Thị	Diễn	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1954	392809	Cao Thị Thu	Thảo	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1955	392810	Tạ Thị Thu	Trà	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1956	392811	Giàn Thị Phương	Anh	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1957	392812	Nguyễn Hoàng Ngọc	Huế	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1958	392813	Trần Thị Lan	Anh	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1959	392814	Lương Ngọc	Huyền	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1960	392816	Bùi Diệu	Linh	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1961	392817	Thái Thị	Dung	3928	MHP	15	0	0	0	0	0	0
1962	392818	Vũ Thị Y	Lan	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1963	392819	Nguyễn Thị Mai	Hương	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1964	392820	Phan Châu Sao	Linh	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1965	392821	Đào Thị	Diện	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1966	392822	Lê Thị Ngọc	Lan	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1967	392823	Hồ Thành	Lộc	3928	BT	12	5	0	1,920,000	800,000	0	2,720,000
1968	392824	Nguyễn Thị	An	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1969	392825	Nguyễn Văn	Lương	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1970	392826	Nguyễn Thanh	Hằng	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1971	392827	Đồng Thị	Trang	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1972	392828	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
1973	392829	Vũ Khải	Hung	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1974	392830	Trần Huy	Hoàng	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1975	392831	Bùi Thanh	Trung	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1976	392832	Trịnh Thùy	Phương	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1977	392833	Nguyễn Thị	Oanh	3928	MHP	15	0	0	0	0	0	0
1978	392834	Trần Thị	Huyền	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1979	392835	Nguyễn Minh	Trang	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1980	392836	Vũ Thị	Khương	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1981	392837	Bá Thị Thùy	Lan	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1982	392838	Đặng Thị Thanh	Hương	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1983	392839	Nguyễn Hoàng	Minh	3928	BT	12	5	0	1,920,000	800,000	0	2,720,000
1984	392840	Cao Thị Kim	Anh	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1985	392841	Nguyễn Thị Hương	Nguyên	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1986	392842	Đỗ Mạnh	Trường	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1987	392843	Trương Thị Khánh	Ly	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1988	392845	Vũ Thục	Chi	3928	BT	12	2	0	1,920,000	320,000	0	2,240,000
1989	392846	Trần Thị	Hiền	3928	BT	16	0	0	2,560,000	0	0	2,560,000
1990	392847	Dương Nguyễn Hà	Anh	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
1991	392848	Nguyễn Quỳnh	Trang	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1992	392850	Trịnh Minh	Hòa	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1993	392851	Đặng Thùy	Dương	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1994	392852	Trần Thị	Tâm	3928	MHP	15	0	0	0	0	0	0
1995	392853	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1996	392854	Phạm Thị Minh	Phương	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1997	392855	Lê Thị Thanh	Thảo	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1998	392856	Nguyễn Thị	Hải	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
1999	392857	Nguyễn Thanh	Hương	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
2000	392858	Đào Trí	Dũng	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
2001	392859	Nguyễn Tiến	Đạt	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
2002	392860	Hoàng Thu	Trang	CLC39B	CLC39	16	5	0	12,480,000	3,900,000	0	16,380,000
2003	392861	Chu Khánh	Linh	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
2004	392862	Trần Thị Mỹ	Nhân	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
2005	392863	Bành ý	Linh	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
2006	392864	Nguyễn Thùy	Dương	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
2007	392865	Nguyễn Thị	Hân	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
2008	392866	Lê Đức	Mạnh	3928	BT	12	5	0	1,920,000	800,000	0	2,720,000
2009	392867	Huỳnh Thanh	Son	3928	YCXH	15	0	0	5,400,000	0	0	5,400,000
2010	392868	Phạm Phương	Anh	3928	YCXH	12	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
2011	392869	Hoàng Diệu	Ly	3928	YCXH	0	0	0	0	0	0	0
2012	392871	Văn Ngọc	Chinh	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
2013	392872	Cao Thị Châm	Anh	3928	BT	15	0	0	2,400,000	0	0	2,400,000
2014	392873	Nguyễn Tuấn	Tú	3928	BT	12	0	0	1,920,000	0	0	1,920,000
2015	392874	Đinh Thúy	Hiền	3928	BT	12	5	0	1,920,000	800,000	0	2,720,000
2016	392901	Nguyễn Văn	Quang	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
2017	392902	Trịnh Thị Thu	Hà	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2018	392903	Đào Thị Thuý	Linh	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
2019	392904	Đặng Trần Long	Hải	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2020	392905	Phạm Thị Khánh	Minh	3929	BT	0	0	0	0	0	0	0
2021	392906	Vũ Thị	Hoài	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2022	392907	Đặng Tiểu	Ngọc	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2023	392908	Trần Thị	Hà	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2024	392909	Vũ Thị Hồng	Ngọc	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2025	392910	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2026	392911	Trần Khánh	Linh	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2027	392912	Hoàng Lam	Thủy	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2028	392913	Đinh Thị Thùy	Linh	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2029	392914	Trần Thị Ngọc	Trang	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2030	392915	Nguyễn Trung	Anh	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2031	392916	Lê Thanh	Nhật	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
2032	392917	Nguyễn Hồng	Vân	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2033	392918	Nguyễn Thanh	Huyền	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2034	392919	Phạm Thị Huyền	Trang	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2035	392920	Vũ Thị Mai	Ly	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2036	392921	Nguyễn Hải	Anh	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2037	392922	Ngô Xuân	Thịnh	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
2038	392923	Tạ Thanh	Hương	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2039	392924	Nguyễn Minh	Trang	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2040	392925	Nguyễn Thu	Hường	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2041	392926	Dương Trúc	Quỳnh	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
2042	392927	Chu Thị Thúy	Vân	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2043	392928	Vũ Thị	Chiên	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2044	392929	Nguyễn Thị Diệu	Linh	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2045	392930	Nguyễn Minh	Hằng	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2046	392931	Nguyễn Đỗ Cẩm	Nhung	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
2047	392932	Phan Thị Mỹ	Anh	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2048	392933	Trần Hương	Giang	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2049	392934	Nguyễn Thu	Giang	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2050	392935	Doãn Hồng	Linh	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2051	392936	Hoàng Hương	Ly	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2052	392937	Nguyễn Đức	Anh	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
2053	392938	Aida Adel	Yassin	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
2054	392939	Đặng Mỹ	Hạnh	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2055	392940	Hoàng Hồng	Nhung	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2056	392941	Đặng Bích	Phương	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
2057	392942	Bùi Kiều	Linh	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2058	392943	Nguyễn Thu	Huyền	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
2059	392944	Phạm Thị Minh	Ngọc	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
2060	392945	Trịnh Thị Vân	Anh	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2061	392946	Ngô Thị Lan	Anh	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2062	392947	Đào Minh	Ngọc	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2063	392948	Trần Minh	Trang	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2064	392949	Nguyễn Thị Tổ	Uyên	3929	BT	0	0	0	0	0	0	0
2065	392950	Bùi Công Duy	Linh	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
2066	392951	Nguyễn Lê Hương	Huyền	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
2067	392952	Phạm Bá	Khôi	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
2068	392953	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	3929	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2069	393001	Nguyễn Thùy	Giang	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2070	393002	Trần Thị Mai	Hoa	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2071	393003	Phạm Thị Tuyết	Lan	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2072	393004	Phan Lê Hương	Lan	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2073	393005	Vũ Thị Thùy	Linh	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2074	393006	Nguyễn Hoàng Lê	Trinh	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2075	393007	Nguyễn Thị	Giang	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2076	393008	Lê Thị Hồng	Hạnh	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2077	393009	Cao Thị Quỳnh		3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2078	393010	Lê Thị Huyền	Trang	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2079	393011	Phạm Tiến	Anh	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2080	393012	Nguyễn Minh	Trang	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2081	393013	Vũ Hương	Giang	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
2082	393014	Đỗ Thị Thu	An	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2083	393015	Trần Thanh	Hương	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2084	393016	Trần Thị Thu	Phương	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2085	393017	Lê ánh	Tuyết	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2086	393018	Phạm Khánh	Phương	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2087	393019	Phan Thị Cẩm	Hương	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2088	393020	Trần Lam	Giang	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2089	393021	Nguyễn Thị Thu	Trang	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2090	393022	Trần Thị Hồng	Ly	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2091	393023	Trần Thị Thanh	Huyền	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2092	393024	Bùi Thị	Lan	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2093	393025	Nguyễn Thị Minh	ánh	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2094	393026	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
2095	393027	Trịnh Ngọc	Hương	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2096	393028	Đinh Trần Đại	Nghĩa	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2097	393029	Phạm Thị Quỳnh	Anh	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2098	393030	Nguyễn Mỹ	Linh	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
2099	393031	Tô Lan	Phương	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2100	393032	Lê Thanh	Thủy	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2101	393033	Nguyễn Khánh	Linh	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2102	393034	Nguyễn Phương	Thảo	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2103	393035	Lê Quỳnh	Anh	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2104	393036	Đồng Mạnh	Trường	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2105	393037	Nguyễn Thu	Uyên	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2106	393038	Nguyễn Phạm Mỹ	Linh	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2107	393039	Lê Mai	Phương	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2108	393040	Đoàn Quỳnh	Thơ	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2109	393041	Lê Quỳnh	Trang	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
2110	393042	Lại Đình	Quang	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2111	393043	Phạm Thanh	Hương	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2112	393044	Trần Đức	Nam	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2113	393045	Nguyễn Thế	Hiền	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2114	393046	Nguyễn Hồng	Anh	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2115	393047	Nguyễn Thùy	Linh	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2116	393048	Nguyễn Hoàng Ngọc	Diệp	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2117	393049	Phạm Ngân	Hạnh	CLC39B	CLC39	18	0	0	14,040,000	0	0	14,040,000
2118	393050	Chum	Sreynic	3930	CAM	17	0	0	0	0	0	0
2119	393051	Sronn	Koemsre	3930	CAM	17	2	0	0	320,000	0	320,000
2120	393052	Nguyễn Việt	Vinh	3930	BT	17	0	0	2,720,000	0	0	2,720,000
2121	393101	Nguyễn Thị	Ngân	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2122	393102	Nguyễn Thị Huyền	My	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2123	393103	Vũ Thị Ngọc	Huyền	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2124	393104	Trần Thị Minh	Giang	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2125	393106	Hồ Thị Thúy	Nga	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2126	393107	Lê Thị	Vân	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2127	393108	Nguyễn Yến Thanh	Phuong	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2128	393110	Nguyễn Nhật	Mai	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2129	393111	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2130	393112	Vũ Hồng	Thắm	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2131	393113	Nguyễn Thị Khánh	Như	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2132	393114	Phạm Thị Hải	Yến	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2133	393115	Phạm Thị Thanh	Xuân	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2134	393116	Bùi Thị Tuyết	Chinh	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2135	393117	Lê Việt	Anh	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2136	393118	Lê Thị Lan	Anh	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2137	393119	Nguyễn Thị	Nhã	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2138	393120	Hoàng Minh	Thương	3931	MHP	18	0	0	0	0	0	0
2139	393121	Bế Quang	Huy	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2140	393122	Tạ Kim	Anh	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2141	393123	Nguyễn Tiến	Long	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2142	393124	Trịnh Thị Ngọc	Trâm	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2143	393126	Ngô Thu	Trang	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2144	393127	Phạm Thị Khánh	Hà	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2145	393128	Nguyễn Tú	Uyên	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2146	393129	Dương Thị	My	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2147	393130	Trịnh Thị	Anh	3931	BT	8	0	0	1,280,000	0	0	1,280,000
2148	393131	Nguyễn Bích	Ngọc	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2149	393132	Nguyễn Tường	Vân	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2150	393133	Hoàng Thị	Thanh	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2151	393134	Nguyễn Thị	Hồng	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2152	393135	Hứa Thị Lệ	Hà	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2153	393136	Nguyễn Xuân Phương	Thảo	3931	BT	18	1	0	2,880,000	160,000	0	3,040,000
2154	393137	Quách Thuỳ	Linh	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2155	393138	Phạm Ngọc	Thảo	3931	MHP	18	0	0	0	0	0	0
2156	393139	Phan Gia	Minh	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2157	393140	Đỗ Thị	Ngân	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2158	393141	Đặng Thị Thanh	Huyền	3931	BT	18	1	0	2,880,000	160,000	0	3,040,000
2159	393142	Nguyễn Thị Thanh Tha	Hiền	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2160	393143	Đặng ánh	Ngọc	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2161	393144	Phạm Thị Lan	Anh	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2162	393145	Hoàng Thị Mai	Liên	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2163	393146	Nguy Thị	Hiền	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2164	393147	Phạm Thị	Hiền	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2165	393148	Nguyễn Tài Tuấn	Anh	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2166	393149	Trần Thị	Hương	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2167	393150	Nông Trà	Giang	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2168	393151	Trần Thị Thu	Uyên	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2169	393152	Cao Nguyễn Hải	Yến	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2170	393153	Nguyễn Hoài	Linh	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2171	393155	Lê Thuỳ	Trang	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2172	393156	Đào Thị	Dung	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2173	393157	Trịnh Thị	Bình	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2174	393159	Dương Tôn	Trọng	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2175	393160	Đoàn Thị Huyền	Trang	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2176	393161	Nguyễn Thị Thục	Quyên	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2177	393162	Phạm Quế Hà	Vi	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2178	393163	Nguyễn Thị	Hợp	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2179	393165	Phan Thị Cẩm	Nhung	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2180	393199	Đoàn Việt	Mỹ	3931	BT	18	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
		Tổng cộng				32918	1087	562	6,115,310,000	248,030,000	94,400,000	6,457,740,000

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2015

TRUNG TÂM CNTT

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

PHÒNG ĐÀO TẠO

PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN

PHÓ HIỆU TRƯỞNG